

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ BẮC

**HÀNH VI SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI CỦA
SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG**

Ngành: Tâm lý học

Mã số: 8 31 04 01

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. NGUYỄN THỊ QUY

HÀ NỘI – 2018

LỜI CAM ĐOAN

Sau một thời gian học tập và nghiên cứu, tôi đã hoàn thành luận văn thạc sĩ với đề tài: “**Hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên Đại học Hải Dương**” Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của riêng tôi và tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung của luận văn này trước Hội đồng và trước pháp luật.

Hải Dương, ngày 28 tháng 08 năm 2018

Tác giả

Nguyễn Thị Bắc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG	12
1.1. Mạng xã hội	12
1.2. Hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên.....	16
1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên.....	30
Chương 2: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	35
2.1. Tổ chức nghiên cứu	35
2.2. Phương pháp nghiên cứu	37
Chương 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG BIỂU HIỆN HÀNH VI SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG	42
3.1. Mức độ sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Đại học Hải Dương.....	42
3.2. Thực trạng biểu hiện hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên đại học Hải Dương	49
3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Đại học Hải Dương	55
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	64
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	69
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 3.1. Mức độ sử dụng các trang MXH của sinh viên Đại học Hải Dương	42
Bảng 3.2. Mục đích sử dụng mạng xã hội của sinh viên Đại học Hải Dương.....	44
Bảng 3.3. Nguồn biết tới mạng xã hội	45
Bảng 3.4. Thời gian dành cho mạng xã hội của sinh viên ĐH Hải Dương	46
Bảng 3.5. Thiết bị vào mạng xã hội	47
Bảng 3.6. Mức độ sử dụng mạng xã hội trong một tuần.....	48
Bảng 3.7. Thời gian sử dụng mạng xã hội xét theo hoàn cảnh	49
Bảng 3.8. Những nội dung được chia sẻ trên mạng xã hội.....	50
Bảng 3.9. Những nội dung được đăng tải trên mạng xã hội	52
Bảng 3.10. Nội dung thường được “like”	53
Bảng 3.11. Mục đích sử dụng nút “like” của sinh viên trường Đại học Hải Dương .	54
Bảng 3.12. Nhận thức về mạng xã hội	56
Bảng 3.13. Thái độ khi sử dụng mạng xã hội	58
Bảng 3.14. Động cơ thúc đẩy hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên	59
Bảng 3.15. Yếu tố có mức độ ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên	60

DANH MỤC BẢNG VIẾT TẮT

CĐ	: Cao đẳng
ĐH	: Đại học
ĐTB	: Điểm trung bình
MXH	: Mạng xã hội
NXB	: Nhà xuất bản
SV	: Sinh viên

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh xã hội hiện nay, với sự phát triển không ngừng của công nghệ thông tin, Internet đang từng bước khẳng định tầm quan trọng, trong đó xuất hiện ngày một nhiều các trang mạng xã hội tạo điều kiện để cá nhân, tổ chức có nhiều cơ hội chia sẻ những thông tin của mình nhưng cũng là thách thức đối với các cơ quan quản lý chuyên ngành về đảm bảo nội dung và phạm vi hoạt động.

Trong hầu hết chúng ta thì các mạng xã hội như Facebook, Zalo, Youtube... đã nhanh chóng trở thành một phần quan trọng không thể thiếu của nhiều người đặc biệt là đối với những thế hệ trẻ, mạng xã hội (MXH) lại càng có một vai trò quan trọng và ảnh hưởng lớn đối với con người. Trong đó, mạng xã hội đã và đang sẽ là một phần của đời sống xã hội ở một bộ phận công chúng. Ngày nay khi mà công nghệ thông tin phát triển thì không ai có thể phủ nhận lợi ích mà MXH mang lại đặc biệt là giới trẻ

Sự xuất hiện của MXH với những tính năng, với nguồn thông tin phong phú đa dạng, đã thật sự đi vào đời sống của cư dân mạng, với những chức năng đa dạng kéo theo sự gia tăng ngày càng đông đảo của các thành viên, Internet ở một khía cạnh nào đó đã làm thay đổi thói quen, tư duy, lối sống, văn hóa của một bộ phận sinh viên (SV) hiện nay vì đây là nguồn nhân lực có khả năng tiếp nhận những tiến bộ khoa học một cách nhanh nhạy nhất đồng thời đây cũng là lực lượng chịu tác động của các phương tiện thông tin truyền thông nhiều nhất trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực

Ngoài những lợi ích mà MXH đem lại cho người dùng như thông tin nhanh, khối lượng thông tin phong phú được cập nhật nhanh chóng, liên tục thì chúng ta còn nhận thấy một khía cạnh quan trọng làm thay đổi đến hình thức giao tiếp giữa cá nhân với cá nhân và cá nhân với nhóm, các quốc gia, dân tộc với nhau đó chính là khả năng kết nối giữa các thành viên trong xã hội với nhau. Đây chính là không gian giao tiếp công cộng phi vật chất tạo liên kết dễ dàng, thuận tiện, nhanh nhất giữa con người với con người với nhau thông qua nhiều hình thức, liên kết rộng khắp chứ không bị giới hạn bởi chiều không gian. Lượng thông tin chia sẻ là hết sức to lớn và vô cùng phong

phù, đa dạng. Chính vì vậy mà số lượng người sử dụng MXH ngày càng đông đảo và tăng lên đặc biệt là thanh thiếu niên học sinh, sinh viên trong độ tuổi từ 16 đến 24. Số lượng người sử dụng mạng xã hội tại Việt Nam đang gia tăng rất nhanh, khoảng 17% số người trưởng thành thường xuyên trao đổi qua mạng với những người không hề quen biết và tỉ lệ này tăng tỉ lệ nghịch với độ tuổi.

Có thể thấy sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật cùng với đời sống của người dân ngày một tăng lên thì việc tiếp cận với những cái mới từ bên ngoài là điều không mấy khó khăn, đặc biệt nhất là giới trẻ. Thông qua MXH sinh viên có thể dễ dàng truy cập MXH thông qua các phương tiện khác nhau, như máy tính bảng, laptop đặc biệt với sự phát triển khoa học 4.0 hiện nay thì qua điện thoại di động ở bất cứ đâu và tại bất cứ thời điểm nào. Sự xuất hiện của MXH với những tính năng mới, với nguồn thông tin phong phú và đa dạng đã đem lại cho công chúng nhiều sự trải nghiệm đầy thú vị tạo điều kiện cho con người giao tiếp mà còn là nơi để quảng cáo, mua bán, trao đổi, kết bạn, tìm kiếm, xây dựng các mối quan hệ. Vì vậy ở một khía cạnh nào đó mạng xã hội đã đem lại nhiều lợi ích góp phần giúp sinh viên giảm stress sau những ngày học tập và làm việc căng thẳng của. Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực kể trên cũng còn nhiều hệ lụy mà mạng xã hội mang lại như mất thời gian nhất là đối với SV làm xao nhãng việc học, sống khép kín, sa đà vào "cuộc sống ảo" trên mạng xã hội mà quên đi cuộc sống thực tế đang diễn ra, nhiều bạn trẻ tìm bạn đời trên mạng tạo cơ hội cho kẻ xấu lợi dụng bắt cóc. Họ cập nhật trạng thái cá nhân liên tục, đăng những câu nói, hình ảnh gây sốc để câu like để được nổi tiếng...

Câu hỏi đặt ra là tại sao họ lại có hành vi ứng xử như vậy, đâu là nguyên nhân, họ có nhận thức được vấn đề không? Vì vậy nghiên cứu thái độ và nhận thức của sinh viên dưới góc độ Tâm lý học để có được những giải pháp tối ưu nhất đang là vấn đề cấp bách của Nhà nước và những người làm công tác giáo dục hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên tôi quyết định chọn đề tài "*Hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Đại học Hải Dương*" làm đề tài nghiên cứu luận văn.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

2.1. Những nghiên cứu trên thế giới

Trong những năm trở lại đây, Mạng xã hội nói chung và Internet nói riêng đã và đang trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống của con người. Năm được thực tế đó, đã có nhiều công trình nghiên cứu về hành vi cũng như MXH.

2.1.1. Hướng nghiên cứu về hành vi

Tác giả Michael Rulter trong công trình nghiên cứu về “hành vi chống đối xã hội” and “thanh niên” đã nêu ra được nhiều quan điểm về hành vi chống đối xã hội của những bạn trẻ, đặc biệt là sinh viên hiện nay. Tác giả đặt ra những câu hỏi và lý giải về hiện tượng chống đối xã hội. Vì sao thanh niên hiện nay lại có những hành vi đó đối với xã hội? Thanh niên hiện nay họ là ai? Họ muốn thể hiện bản thân như thế nào trong xã hội. Thanh niên họ đã và đang sống trong một hệ thống xã hội như thế nào? Có cách nào giúp họ thay đổi hành vi của thanh niên trong vấn đề này? Công trình này đã khẳng định rằng: hành vi chống đối xã hội của thanh niên xuất phát từ các yếu tố xã hội là chủ yếu, từ sự bất bình đẳng trong các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân và cá nhân với xã hội [38]

Còn giả Loeber của Viện nghiên cứu tâm thần Phương Tây nước Mỹ cho rằng, những hành vi lệch chuẩn của thanh niên, thiếu kiểm chế của thanh niên phần nhiều do ảnh hưởng từ môi trường sống, bạn bè và từ cộng đồng xã hội[31]

Tác giả Spiros Tzelepis của Hội nghiên cứu Tâm lý học Mỹ đã phân tích trong công trình “theo thanh thiếu niên” trình bày nhiều tác phẩm liên quan đến hành vi bạo lực của học sinh, sinh viên. Trong toàn nước Mỹ đã có trung bình 14.8% học sinh, sinh viên thường xảy ra xung đột và đánh nhau gây thương tích. Trong đó sinh viên nam có khả năng gây hấn và đánh nhau hơn so với học sinh nữ chiếm (20%). Tương tự sự khác biệt này thì người da trắng cũng được xác định xung đột hơn người da đen và gốc Tây Ban Nha và tất cả các nhóm lớp [40].

Tác giả Diah Wisenberg Brin với bài “Internet làm thay đổi tư duy và hành vi của giới trẻ” trên tạp chí Magazin của nước Anh cho rằng các phương tiện truyền thông hiện đại đã góp phần làm thay đổi nhận thức và hành vi của giới trẻ, đặc biệt là internet, phương tiện làm thế giới xích lại quá gần nhau trên mọi phương diện”[33]

Nhóm tác giả thuộc khoa Giáo dục Đại học Cambridge với công trình nghiên cứu “Hỗ trợ hành vi xã hội cho thanh niên” đã phân tích các hành vi của thanh niên dưới

góc độ của nhà sư phạm và đề xuất một số cách thức hỗ trợ hành vi của thanh niên trong các cộng đồng và trong việc thực hiện các chương trình xã hội, tình nguyện.[35]

Trong công trình nghiên cứu “Lý thuyết về hành vi được lên kế hoạch và áp dụng cho việc sử dụng các trang web mạng xã hội của những người trẻ” tác giả Pelling. EL thuộc Đại học công nghệ Queensland Úc đã nhận định rằng việc sử dụng mạng xã hội không chỉ chịu ảnh hưởng bởi thái độ mà còn phụ thuộc bởi các yếu tố thuộc về bản sắc của con người nói chung và giới trẻ nói riêng. Việc phát hiện vấn đề này có thể được sử dụng để thiết kế các chiến lược nhằm mục đích giúp giới trẻ thay đổi mức độ sử dụng MXH của bản thân.[32].

Luận án tiến sĩ Adrian D. Pearson “Phương tiện truyền thông ảnh hưởng đến hành vi sai lệch trong trường Trung học” Luận án với câu hỏi đặt ra, tại sao hiện nay đối với đối tượng là học sinh trung học lại có nhiều hành vi lệch chuẩn như vậy. Đặc biệt đối với các nước phát triển vấn đề này lại có chiều hướng gia tăng. Trong đó Mỹ có khuynh hướng tăng cao trong những năm gần đây và liệu có một mối tương quan mà ảnh hưởng từ các phương tiện truyền thông đến những hành vi chống đối xã hội. Qua đó giúp cung cấp những yếu tố giúp các nhà hoạt động xã hội kiểm soát hành vi của cá nhân. [32]

Nhóm tác giả trong tác phẩm “Quy tắc cho hành vi văn minh” đã khẳng định khi một hành vi được cho là văn minh cần quan tâm đến nhận thức cũng như hành vi bên ngoài của mỗi cá nhân sau đó mới lựa chọn cách ứng xử phù hợp với mình[34]. Các tác giả cho rằng những hành vi văn minh được các cá nhân thực hiện lúc nào cũng phụ thuộc vào sự hiểu biết, về trình độ lượng giá vấn đề của cá nhân đó trong một tình huống cụ thể.

2.1.2. Hướng nghiên cứu về hành vi sử dụng MXH

Việc sử dụng mạng xã hội ở một số nước châu Âu: Khảo sát ở các quốc gia Pháp, Đức, Ý, La Mã, Tây Ban Nha, cho thấy 95% người được khảo sát có sử dụng MXH, chiếm một tỉ lệ lớn. Trong đó trang MXH phổ biến và được sử dụng nhiều nhất đó là Facebook

Khảo sát về những người không sử dụng MXH, bài báo cáo cũng đưa ra những lí do như: Hiếm khi sử dụng Internet (đặc biệt chiếm tỉ lệ cao với đối tượng dưới 18

tuổi); không có hứng thú và thời gian, không muốn tiết lộ cuộc sống của bản thân, không muốn theo trào lưu, cho rằng những mối quan hệ trên MXH đều là giả, thấy rằng việc sử dụng không hữu ích, sợ MXH là những lí do được đưa ra nhiều nhất của những trong độ tuổi 21 - 26.

Prof. Dr. BahireEfe (2012) với tác phẩm “Thái độ của sinh viên Đại học đối với việc sử dụng MXH” ở Thổ Nhĩ Kỳ cho thấy phần lớn sinh viên cảm thấy vui khi sử dụng MXH và họ dành khá nhiều thời gian trong một ngày để sử dụng MXH, việc sử dụng MXH để giải trí, giao, tiếp, học tập với họ khá dễ dàng [31]

Tại Ấn Độ với bài viết: Nghiên cứu để nâng cao hiểu biết về mạng xã hội - trung tâm nghiên cứu về việc sử dụng MXH ở Ấn Độ đã tìm hiểu về nhận thức MXH và hành vi sử dụng. Qua bài viết tác giả nhận ra được những kẽ hở của mạng xã hội từ đó có thể khai thác và phân tích những yếu tố tiêu cực và tích cực của MXH từ đó có những đề xuất cải tiến thích hợp. Facebook là MXH phổ biến nhất ở Ấn Độ (93.26% người sử dụng MXH). Điều được yêu thích nhất ở Facebook đó là sử dụng dễ dàng, giao diện thân thiện với người dùng (46.07%). Tiếp đó là khả năng chia sẻ và kết nối người dùng (43.82%). Điều không thích ở Facebook đó là tính riêng tư (29.21%) [41].

Asnat Dor & Dana Weimann-Saks (2012), trường Cao đẳng học viện Kinnerer tại Israel đã nghiên cứu việc sử dụng mạng xã hội ở học sinh: thái độ, hành vi và nhận thức. Nghiên cứu đã phân tích nhóm học sinh 13 tuổi ở Israel. Các phân tích đi sâu vào các khía cạnh trong cuộc sống hàng ngày của học sinh ở gia đình và ở trường. Giữa mối quan hệ cha mẹ con cái và việc sử dụng mạng xã hội trước hay sau cha mẹ và thường thì chúng được ưu tiên sử dụng máy tính gia đình như một công cụ hỗ trợ học tập đặc lực. Nhưng phần lớn nhóm học sinh này sử dụng máy tính để sử dụng mạng xã hội để kết bạn, lập nhóm hội,... Trong đó nghiên cứu sự quan sát của cha mẹ học sinh với hành vi, thái độ và nhận thức của học sinh

Có thể thấy rằng các vấn đề liên quan đến internet, trong đó mạng xã hội đặc biệt Facebook là một trong vấn đề được Tâm lí học hiện đại quan tâm nghiên cứu dưới góc độ hành vi. Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu chưa cụ thể hóa về các hành vi sử dụng đối với sinh viên, còn trên bình diện lí thuyết. Đặc biệt khi lí giải về các hành vi của con người khi sử dụng và đặc biệt là những ảnh hưởng của hành vi sử dụng MXH đối với

hoạt động cá nhân, cũng như đối với xã hội chưa được xã hội quan tâm nhiều. Rõ ràng, đây là những thách thức mới mà Tâm lý học hiện đại quan tâm giải quyết

2.2. Những nghiên cứu trong nước

Việt Nam ra nhập hội nhập quốc tế đã tạo điều kiện cho công nghệ thông tin Việt Nam, chính điều đó đã giúp cho xã hội đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Mạng xã hội ngày càng được mở rộng cả về số lượng cũng như chất lượng, sự cập nhật thông tin và hình thức giải trí trên mạng ngày càng phong phú và đa dạng. Việc sử dụng MXH tại Việt Nam bắt đầu từ những năm 2010-2012...từ đấy, việc tìm hiểu và sử dụng mạng xã hội trở thành sự quan tâm của báo chí, các nhà nghiên cứu về văn hóa và Tâm lý học

2.2.1. Hướng nghiên cứu về hành vi

Tác giả Phạm Minh Hạc “ Hành vi và hoạt động” đã khẳng định việc tiếp cận theo phương pháp hoạt động - nhân cách và giao tiếp giúp cho nghiên cứu tâm lý học lý luận và ứng dụng ở Việt Nam ngày càng phát triển trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu những vấn đề lý luận về hành vi của mỗi trường phái tâm lý học còn nhiều điều khác nhau tùy thuộc vào cách tiếp cận của mỗi nhà khoa học. Vì vậy mà khi nghiên cứu từng loại hành vi cụ thể của con người có sự khác nhau, hệ thống các cách thức điều khiển, thích ứng hành vi cũng sẽ khác nhau.[9]

Trong lĩnh vực tâm lý học ứng dụng, các hành vi được xem xét là những biểu hiện bên ngoài chịu sự tác động từ những động cơ bên trong với những công trình nghiên cứu về hành vi tổ chức, hành vi tiêu dùng, hành vi khách hàng, hành vi tài chính, hành vi tội phạm, hành vi tình dục... Đặc biệt gần đây các tác giả Việt Nam đã có nhiều quan tâm đến hành vi tiêu dùng và hành vi khách hàng. Trong quá trình nghiên cứu một số nhà nghiên cứu đã tham khảo ý tưởng về thuyết hành vi trong đó có thuyết “ Tài chính hành vi” đòi hỏi người nghiên cứu phải hiểu, phân tích và dự đoán được những thay đổi của nền kinh tế thị trường tài chính từ đó đưa ra những nhận định và quyết định sao cho phù hợp [3]

Như vậy bằng cách hiểu hành vi của con người và cơ chế tâm lý khi đưa ra các quyết định tài chính, những mẫu tài chính chuẩn có thể được nâng cao để phán ảnh và giải thích tốt hơn thực tế phát triển của thị trường ngày nay. “Tài chính hành vi” là một

môn học với các thuyết về tài chính, việc nghiên cứu các nội dung tài chính hành vi là cơ sở giúp con người hiểu và dự đoán được các dấu hiệu của hệ thống thị trường tài chính để có các quyết định tâm lý. [3,tr30]

Tác giả Lê Thị Linh Trang trong luận án tiến sĩ “ Nghiên cứu hành vi văn minh đô thị của thanh niên Hồ Chí Minh” đã có những phân tích khá rõ nét về hành vi văn minh đô thị của con người nói chung cũng như thanh niên nói riêng. Luận án của tác giả Lê Thị Linh Trang đã chỉ ra thực trạng hành vi văn minh của thanh niên trong ứng xử với cộng đồng cũng như đối với dân cư. Dựa trên số liệu thu được từ nhiều nguồn thông tin khác nhau: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi văn minh đô thị của thanh niên Hồ Chí Minh. [27]

Tạp chí Giáo dục mầm non 2/2008 trong chuyên đề “giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ” tạp chí không chỉ đề xuất những yêu cầu cho trẻ mà còn cho cả người lớn, thầy cô giáo để ứng xử có văn hóa với những hành vi văn hóa. Các công trình trên đã có những phân tích khá sâu về vấn đề lý luận hành vi, cơ cấu hành vi, yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của từng đối tượng. Đặc biệt phân tích thực trạng thực hiện hành vi với những nội dung đa dạng [26]

2.2.2. Hướng nghiên cứu về hành vi sử dụng MXH

Bài viết "Nghiên cứu về hành vi sử dụng Facebook của con người - một thách thức mới cho tâm lý học hiện đại" của tác giả Đào Lê Hòa An đã chỉ ra việc sử dụng mạng xã hội hiện nay là một tất yếu, khi mà với sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và internet này, sự tiếp cận với Facebook trở nên dễ dàng và sức hút ngày càng lớn với những gì nó hấp dẫn giới trẻ và những lợi ích của nó mang lại.. tuy nhiên, việc lạm dụng mạng xã hội đã và đang để lại rất nhiều hệ lụy và tác hại khôn lường. Đây cũng là định hướng của nhóm nghiên cứu khi thực hiện đề tài, nghiên cứu việc sử dụng Facebook dưới góc độ tâm lý học để có những cái nhìn tổng quan hơn về hoạt động sử dụng mạng xã hội [1]

Tác giả Nguyễn Thị Hậu (2010), với bài viết Mạng xã hội với lối sống của giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh. Mạng xã hội với sự xuất hiện với những tính năng đa dạng, nguồn thông tin phong phú đã cho phép người dùng hiện nay có thể tiếp nhận, cũng như chia sẻ và chọn lọc thông tin một cách dễ dàng không phân biệt khó khăn về

không gian cũng như thời gian. Nó giúp nâng cao vai trò của mỗi người công dân trong việc tạo lập quan hệ và tự tổ chức xoay quanh những mối quan tâm chung trong những cộng đồng thúc đẩy sự liên kết các tổ chức xã hội. Tác giả đã nêu rõ ảnh hưởng của mạng xã hội đến lối sống giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay, thông qua việc tìm hiểu nhu cầu, mục đích và hình thức sử dụng mạng xã hội góp phần giúp các bạn trẻ có thể cải thiện được việc sử dụng MXH của mình.[13]

Tác giả Nguyễn Văn Thọ (2011) có viết bài: “Suy nghĩ về tính tự chủ của học sinh trong thời đại thông tin và truyền thông đa phương tiện”. Trong đó đã đề cập đến việc sử dụng và sử dụng truyền thông đa phương tiện như hiện nay, các nhà tâm lý đang nhìn về khía cạnh cảm xúc và hành vi. Các phương tiện truyền thông đa phương tiện là biểu hiện của sự phát triển công nghệ của nền văn minh hiện đại. Với tác dụng vô cùng to lớn của nó, nhiều người, nhất là thanh niên đã bị ảnh hưởng rất nhiều vào cuộc sống hàng ngày, trở thành công cụ đắc lực phục vụ công việc của họ... Bản thân internet là tốt nhưng MXH có thể ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực do bản thân chính mỗi chúng ta sử dụng

Cùng năm 2011, tác giả Lê Minh Công đã nghiên cứu “Tác động của internet đến nhận thức và hành vi giới tính, tình dục ở thanh thiếu niên”. Nghiên cứu cho thấy internet xuất hiện giúp cho mỗi cá nhân thể hiện được cái tôi trong tình dục và giới tính với người khác, trên các trường hợp lâm sàng, các phân tích đã cho thấy internet làm thay đổi tiêu cực đến các mối quan hệ cuộc sống, gia đình, học tập, công việc,... làm một bộ phận thanh thiếu niên có những nhận thức sai lệch về giới, hành vi tình dục và các mối quan hệ [4].

Đề tài “Nhu cầu sử dụng mạng xã hội của sinh viên Cao đẳng Sư phạm Thái Bình”, luận văn Thạc sỹ Tâm lý học của Đặng Thị Nga (2013) đã khái quát chung về tình hình sử dụng MXH của sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình. Qua nghiên cứu đề tài đã chỉ ra rằng, MXH trong xã hội ngày nay đóng một vai trò to lớn trong đời sống của mỗi người và có ảnh hưởng lớn đối với hoạt động sống và học tập của sinh viên. [23].

Tóm lại vấn đề hành vi sử dụng MXH đã được các nhà khoa học trong và ngoài nước tiếp cận với nhiều góc độ khác nhau, trong đó đề cập đến định nghĩa hành vi, ảnh

hưởng của các yếu tố môi trường, giới tính đến hành vi của cá nhân đối với MXH. Đồng thời các tác giả cũng đề cập đến những tác động tích cực, tiêu cực của MXH đối với mỗi cá nhân. Tuy nhiên việc nghiên cứu hành vi sử dụng MXH trong xã hội cũng như đối với thanh niên chưa được đề cập rộng rãi và cụ thể mới chỉ xem xét các mức độ biểu hiện qua nhận thức bên trong cũng như tính năng của MXH, khi xem xét các biểu hiện bên ngoài của sinh viên đặc biệt đối với sinh viên của một trường Đại học ở một địa phương đang phát triển như Đại học Hải Dương chưa được xem xét một cách chi tiết cụ thể.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng về hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường đại học Hải Dương, luận văn đề xuất một số kiến nghị giúp sinh viên sử dụng mạng xã hội hợp lý hơn

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hoá một số vấn đề lý luận về hành vi, hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên
- Đánh giá thực trạng mức độ, biểu hiện hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Mức độ biểu hiện hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về nội dung: Đề tài tập trung nghiên cứu mức độ biểu hiện hành vi sử dụng mạng xã hội cho sinh viên như mạng xã hội Facebook, Zalo, Zing me
- Phạm vi về khách thể: Nghiên cứu 300 Sinh viên đại học chính quy trường Đại học Hải Dương
- Phạm vi về địa bàn nghiên cứu: Địa bàn tập trung nghiên cứu và lấy số liệu khảo sát tại Khoa Kế toán và Khoa Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Hải Dương.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Nguyên tắc phương pháp luận nghiên cứu

5.1.1. Nguyên tắc hệ thống

Nghiên cứu tổng hòa các yếu tố từ nhận thức, thái độ, động cơ từ đó tác động đến hành vi bên ngoài sử dụng MXH của sinh viên

5.1.2. Nguyên tắc hoạt động

Nguyên tắc này khẳng định con người tham gia vào các hoạt động, từ đó nhu cầu được hình thành biểu hiện, phát triển và tìm kiếm các phương thức để thỏa mãn

Hành vi sử dụng MXH của sinh viên được hình thành thông qua quá trình sinh viên tham gia sử dụng các trang MXH

5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu
- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi
- Phương pháp phỏng vấn sâu
- Phương pháp thống kê toán học

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn đã góp phần bổ sung thêm một số lý luận về hành vi, hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên, các biểu hiện của hành vi được thể hiện ra bên ngoài thông qua cách ứng xử với mọi người. Từ đó chỉ ra được những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của cá nhân trong việc sử dụng mạng xã hội

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Góp phần cung cấp một số thông tin, tư liệu để hỗ trợ các nhà giáo dục, các cán bộ đoàn thể tham khảo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình trong công tác thanh niên nói chung và sinh viên nói riêng

Kết quả nghiên cứu góp phần giúp các nhà giáo dục tuyên truyền vận động để hình thành và củng cố hành vi khi sử dụng mạng xã hội trong nhà trường cũng như trong cuộc sống

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị, phụ lục và danh mục các tài liệu tham khảo, luận văn được cấu thành 3 chương

- Chương 1: Cơ sở lý luận về hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên Đại học Hải Dương
- Chương 2: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu
- Chương 3: Kết quả nghiên cứu thực tiễn về hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên Đại học Hải Dương

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ HÀNH VI SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

1.1. Mạng xã hội

1.1.1 Khái niệm

“Mạng xã hội” là khái niệm mà rất nhiều nhà nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực đã định nghĩa với nhiều góc nhìn và cách diễn giải khác nhau nhưng chưa có một định nghĩa chung chính thức.

Theo định nghĩa của Fitcher (1957), mạng lưới xã hội (social network) bao gồm nhiều mối quan hệ đôi. Mỗi người trong mạng lưới có liên hệ với ít nhất 2 người khác nhưng không ai có liên hệ với tất cả các thành viên khác”. Dựa trên định nghĩa đó, Barry Wellman đã định nghĩa: “Khi mạng máy tính kết nối con người, nó là một mạng xã hội [8].

Nguyễn Thị Lê Uyên đã định nghĩa mạng xã hội là một trang web mà nơi đó một người có thể kết nối với nhiều người thông qua chia sẻ những sở thích của cá nhân với mọi người như nơi ở, đặc điểm, học vấn [11]. Tác giả giải thích thêm, mạng xã hội được hình thành khi một nhóm người khởi xướng gửi đi thông điệp mời những người chưa quen gia nhập và thành bạn bè trong trang web của mình. Các thành viên mới sẽ lặp lại quá trình trên và tạo nên một mạng liên kết rộng lớn không phân biệt không gian địa lý của các thành viên

Dưới góc nhìn xã hội học, Nguyễn Hải Nguyên đưa ra khái niệm về MXH: Mạng xã hội là dịch vụ kết nối các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian. Tác giả giải thích thêm, mạng xã hội được hình thành khi một nhóm người khởi xướng gửi đi thông điệp mời những người chưa quen gia nhập và thành bạn bè trong trang web của mình. Các thành viên mới sẽ lặp lại quá trình trên và tạo nên một mạng liên kết rộng lớn không phân biệt không gian địa lý của các thành viên [20]

Mạng xã hội có các đặc trưng cơ bản:

- Có sự tham gia trực tiếp của nhiều cá nhân (hoặc doanh nghiệp - đóng vai trò như một cá nhân).

- Là một website mở, nội dung của website được xây dựng hoàn toàn bởi các thành viên tham gia.

Tác giả Nguyễn Thị Kim Hoa trong tạp chí khoa học của mình đã có nhận định ,mạng xã hội là một sự liên kết giữa các cá nhân với cá nhân và giữa cá nhân với cộng đồng được biểu hiện dưới nhiều hình để thực hiện chức năng xã hội [14].

Trên cơ sở những quan điểm và định nghĩa về mạng xã hội của các tác giả và các đặc điểm chung của mạng xã hội, chúng tôi thống nhất đi đến một khái niệm chung về mạng xã hội như sau: *Mạng xã hội (social network) là một website mở trong đó người dùng có thể tự xây dựng nội dung nhằm kết nối và tương tác với mọi người thông qua các tính năng riêng biệt của MXH.*

Mạng xã hội có những tính năng như gọi nghe trực tiếp, gọi qua video, e-mail, phim ảnh, chia sẻ blog và xã luận. Mạng xã hội ra đời giúp mọi người liên kết với nhau thuận tiện hơn, trở thành một phần tất yếu của mỗi người cho hàng trăm triệu thành viên khắp thế giới. Các dịch vụ này có nhiều cách để tìm kiếm bạn bè, đối tác dựa theo group như tên trường hoặc tên thành phố hoặc dựa trên thông tin cá nhân như (địa chỉ e-mail) hoặc nick name để tìm kiếm bạn bè

1.1.2. Các loại mạng xã hội

Với thời đại công nghệ thông tin phát triển như hiện nay, có rất nhiều MXH để sử dụng. Trong khuôn khổ của một luận văn thạc sỹ, tác giả xin trình bày một số MXH sau:

- *Facebook*: là trang mạng xã hội phát triển nhất hiện nay, người dùng có thể truy cập miễn phí do công ty Facebook, Inc điều hành. Qua đó người dùng có thể tham gia các trang mạng theo khu vực, nơi làm việc, trường học và khu vực để liên kết và giao tiếp với người khác. Mọi người thể kết bạn và gửi tin nhắn cho nhau, cập nhật trang hồ sơ cá nhân của mình để thông báo cho bạn bè biết về chúng. Đây là kênh thông tin giúp mọi người gần nhau hơn thông qua tương tác

- *Instagram*: mạng xã hội với tính năng đặc trưng là chia sẻ và chỉnh sửa hình ảnh. Khi người sử dụng chụp một tấm ảnh và muốn chia sẻ lên Instagram, trang mạng

này sẽ xuất hiện tính năng chỉnh sửa hình ảnh với nhiều công cụ cắt, xoay, đổi màu, ghép ảnh... để bức ảnh được đăng tải trở nên đẹp hơn.

- *Youtube*: mạng xã hội chuyên biệt các tính năng xoay quanh mục đích chia sẻ phim ảnh (video). Người dùng có những tính năng riêng biệt để xử lý video như thêm phụ đề, cắt - ghép phim, chỉnh nhạc nền...

- *Linkedin*: Đây được xem như một trang mạng mà người sử dụng chủ yếu là những thành viên chuyên nghiệp. Khác với các mạng xã hội khác như Zalo và Facebook đối tượng các mạng này hướng tới là tất cả mọi người không phân biệt già trẻ, giàu nghèo. Linkedin lại tập trung vào đối tượng người sử dụng là các doanh nghiệp nhằm kết nối những người có nhu cầu tìm việc và tuyển dụng. Nền tảng của Linkedin cũng tương tự như Facebook. Đây được xem là trang mạng có những tính năng đáp ứng cho nhu cầu của người xin việc và tuyển dụng cao nhất.

- *Zingme*: Được ra đời từ năm 2006, với phiên bản tích hợp đầu tiên là yobanbe, Zing Me đã được kì vọng trở thành trang blog lớn nhất tại Việt Nam cạnh tranh với Yahoo 360. Tuy nhiên, với định hướng sản phẩm “hoàn toàn khác blog”, Facebook đã buộc Zing Me phải “tư duy lại tương lai”. Điểm nổi bật tại Zing Me là sự kết hợp về game xã hội vốn là “món khoái khẩu” của cộng đồng game thủ hiện tại của VNG.

- *Google*: Sau Facebook thì Google được mọi người sử dụng tương đối nhiều đặc biệt là các bạn sinh viên, đây được xem như công cụ hỗ trợ đắc lực cho việc học của sinh viên. Với các dịch vụ khác của Google, bao gồm Gmail, Youtube. Google mang các đặc điểm phổ biến của phương tiện truyền thông xã hội như nhận xét, chia sẻ phim ảnh, video... với vòng kết nối xã hội của bạn. Google là mạng xã hội mà bất kì người dùng mạng nào cũng chọn lựa hỗ trợ trong công việc cũng như học tập

Trong Google, mọi người trò chuyện, chia sẻ ý kiến, đăng ảnh và video lưu giữ liên lạc và chia sẻ tin tức cá nhân, chơi trò chơi, lập kế hoạch họp mặt và gặp gỡ, gửi lời chúc sinh nhật và ngày lễ, làm bài tập và làm việc cùng nhau, tìm và liên hệ với bạn bè và họ hàng mà lâu ngày không liên lạc, đánh giá sách, đề xuất nhà hàng và hỗ trợ mục từ thiện.

Bên cạnh các tính năng chuyên biệt của một số mạng xã hội, đa phần các mạng xã hội đều có những tính năng hỗ trợ cho công tác truyền thông và quảng cáo. Tuy nhiên, những tính năng chuyên biệt đòi hỏi người dùng phải có kiến thức và kỹ năng nhất định về công nghệ thông tin. Do đó, người sử dụng mạng xã hội với thành phần, trình độ chuyên môn và lứa tuổi rất đa dạng, chỉ sử dụng những chức năng cơ bản như chính trò chuyện, chia sẻ dữ liệu, bình luận, ghi chép nhật kí điện tử

1.1.3. Ảnh hưởng của mạng xã hội đối với sinh viên

Trong những năm gần đây, MXH đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của giới trẻ đặc biệt là các bạn sinh viên. Giống như việc viết các trang blog hay nhật ký trước đây thì MXH đang thực sự tạo nên một trào lưu, cuốn theo một danh sách khổng lồ mọi người phải tham gia. Với nguồn thông tin phong phú, người dùng MXH dễ dàng tiếp nhận, chia sẻ và chọn lọc thông tin một cách có hiệu quả và vượt qua trở ngại về không gian và thời gian. Và một MXH thực sự đã và đang ảnh hưởng đến đời sống của những người trẻ rất nhiều

Ảnh hưởng tích cực

Những mặt tiện ích mà MXH đem lại cho sinh viên như sử dụng trong học tập, giao lưu với bạn bè các trường và tìm kiếm cơ hội nghề nghiệp, những thành viên này liên kết với nhau thành các nhóm người có cùng sở thích, cùng sự quan tâm, cùng ý nguyện có thể gặp gỡ, trao đổi trên mạng rồi tiến tới gặp nhau ngoài đời, và nhiều nhóm cộng đồng có tính chất tích cực từ “mạng ảo” đã xuất hiện trong “đời thực” như tổ chức các hoạt động từ thiện nhân những ngày lễ tết, giúp đỡ những trẻ có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức sinh hoạt văn hóa lành mạnh, nhiều nhóm chia sẻ sở thích, du lịch kết hợp với việc làm từ thiện ở các vùng cao biên giới, lập diễn đàn trao đổi tranh luận, trên MXH còn xuất hiện nhiều nhóm tìm về các giá trị văn hóa cổ xưa như đồ sách cũ, chưa tác giả nhà văn còn dùng MXH đưa đến người đọc những tác phẩm của mình thông qua sự tương tác với bạn đọc để giúp hoàn chỉnh tác phẩm của mình. MXH còn giúp tuyên truyền về Biển- Đảo Việt Nam thông qua nhiều MXH để đến với các bạn trẻ. Đây thực sự là những tác động tốt mà MXH đem lại [15]

Ảnh hưởng tiêu cực

Tuy nhiên bên cạnh những tác động tích cực thì MXH cũng có nhiều bất cập như MXH còn là nơi phát tán nhiều thông tin chưa chính xác “nhảm” đến với cộng đồng. Có nhiều bạn đến với MXH chỉ do bạn bè mời nên tham gia cho có phong trào, sau ần lại thành thói quen, nhiều bạn mắc chứng bệnh “hội nghiện Facebook” không có việc gì cũng vào MXH, đôi khi chỉ là để up-date những điều không đâu.

Nhiều bạn trẻ nhất là sinh viên hiện nay, MXH là niềm đam mê “tìm hiểu xã hội” nhưng khi lạm dụng thái quá sự đam mê đó lại trở thành tiêu cực, ảnh hưởng không ít đến thời gian cũng như học tập của sinh viên. Nhiều bạn sau khi sử dụng MXH quay lại với bàn học vẫn còn lưu luyến và không thể tập trung. Chính điều đó đã gây ảnh hưởng đến hiệu quả học tập của sinh viên. Ngoài ra việc dành hàng tiếng đồng hồ thậm chí còn vài tiếng cầm cúi nhìn màn hình máy tính, điện thoại dẫn đến việc giảm thị lực [15]

Nhiều bạn khi quen với việc trao đổi thông tin qua tin nhắn, hình ảnh, bài viết và nút “Like” khiến nhiều bạn ngày càng phụ thuộc vào MXH. Điều này khiến cho nhiều người thời gian dành cho những cuộc gặp gỡ, tán chuyện ngoài đời thực ngày càng trở nên ít, chúng thực sự không tốt bởi giao tiếp trực tiếp mặt đối mặt luôn mang đến cho mỗi người những tâm trạng, cảm xúc chân thật nhất

Sử dụng MXH nhiều khiến nhiều bạn trẻ bỏ bê việc học, nguy cơ đau dạ dày vì vừa ăn vừa xem hoặc ăn nhanh để tranh thủ vào MXH, nhiều bạn mất ngủ, lo âu dẫn đến trầm cảm

1.2. Hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên

1.2.1. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi sinh viên

- Đặc điểm về thể chất

Đây là giai đoạn phát triển ổn định, đồng đều hệ xương, hệ thần kinh, não bộ, các giác quan, cơ bắp tạo ra vẻ đẹp hoàn mỹ ở người sinh viên. Các tổ chức về thể lực như: sức nhanh, sức bền bỉ, dẻo dai, linh hoạt đều phát triển mạnh nhờ sự phát triển ổn định của các tuyến nội tiết cũng như sự tăng trưởng của các hooc môn nam và nữ.....Tất cả những sự phát triển đó tạo điều kiện cho những thành công rực rỡ trong hoạt động trí óc như hoạt động học tập, hoạt động xã hội của sinh viên

- Một số đặc điểm tâm lý sinh viên

Sự phát triển về nhận thức, trí tuệ của sinh viên: Ở sinh viên, sự phát triển về tư duy đánh giá phát triển mạnh, phong phú và sâu sắc chú ý hơn đến các giá trị của nhân cách. Sự tự ý thức ở sinh viên cũng phát triển cao với sự hiểu biết về thái độ, hành vi của bản thân, chủ động hướng hoạt động của mình phù hợp với những yêu cầu của tập thể, cộng đồng họ là những người có tri thức, nhạy bén với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của quốc gia và quốc tế. Vì thế nhu cầu trao đổi thông tin và liên lạc bằng điện thoại di động là rất cần thiết đòi hỏi lứa tuổi này. Chính đặc điểm này đã chi phối đời sống học tập, giải trí của sinh viên và là động lực thúc đẩy họ sử dụng mạng xã hội ngày một nhiều. [28. tr49]

Sự phát triển xúc cảm- tình cảm của sinh viên: Theo B. G Ananhev và một số nhà tâm lý học khác thì tuổi sinh viên là thời kỳ phát triển tích cực nhất của những loại tình cảm cao cấp: tình cảm trí tuệ, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ....những tình cảm này được biểu hiện rất phong phú trong đời sống của sinh viên. Đa phần khi sinh viên lựa chọn ngành nghề mà mình yêu thích đều biểu lộ sự chăm chỉ, say mê. Để thỏa mãn tình cảm trí tuệ, họ học tập không chỉ ở giảng đường và thư viện trường ĐH mà còn mở rộng và đào sâu kiến thức của mình bằng nhiều cách: học thêm ở khoa khác, trường khác, tìm đọc ở nhiều thư viện, học trên các phương tiện truyền thông v.v.... Chính sự phát triển về mặt tình cảm trí tuệ tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên chiếm lĩnh, tích lũy tri thức cho bản thân sẽ vượt xa những sinh viên không có loại tình cảm này về mọi mặt [28]

Sự phát triển xúc cảm tình cảm của sinh viên có những ảnh hưởng nhất định đến hành vi sử dụng mạng xã hội của họ. Hay nói cách khác mạng xã hội có thể trở thành công cụ, phương tiện thoả mãn nhu cầu xúc cảm tình cảm đang phát triển mạnh mẽ của sinh viên.[28,tr49]

Về tình cảm trí tuệ, hầu hết sinh viên biểu lộ sự chăm chỉ, say mê của mình đối với các chuyên ngành và nghề nghiệp lựa chọn. sinh viên là những bạn còn rất trẻ đây cũng là lớp người đầy nhiệt huyết, nhiều ước mơ và hoài bão. Trong hoạt động học tập, sinh viên thể hiện tính độc lập, tích cực, chủ động và sáng tạo cao.

Khác với lứa tuổi trước, ở lứa tuổi sinh viên, tình cảm đạo đức, tình cảm thẩm mỹ bộc lộ theo chiều sâu rõ rệt. Điều đó lý giải tại sao ở độ tuổi này sinh viên có những cách nghĩ riêng, phong cách riêng và mạng xã hội là nơi họ có thể tìm đến để thể hiện cách nghĩ và phong cách riêng của mình hay chính là để tự khẳng định bản thân.

Tình bạn khác giới ở tuổi sinh viên là một lĩnh vực đặc biệt, họ bước vào lĩnh vực của tình yêu nam nữ với một tư thế hoàn toàn khác lứa tuổi trước đây. Đây là một loại tình cảm đặc trưng và cao cấp của con người, nó chín vào độ tuổi mà sinh viên trải qua. Bởi vậy, nhìn chung tình yêu nam nữ ở độ tuổi sinh viên rất đẹp, lãng mạn và đầy thú vị. Mạng xã hội có thể là nơi giúp sinh viên có nhiều cơ hội tìm kiếm bạn bè, thỏa mãn nhu cầu tình cảm, tình yêu của họ [28, tr50]

Như phần trên đã trình bày, sinh viên là lứa tuổi phát triển một cách toàn diện về thể chất cũng như tư tưởng, tinh thần. Họ bước vào lĩnh vực của tình yêu nam nữ với một "tư thế" hoàn toàn khác với lứa tuổi trước đó do vị thế xã hội, trình độ học lực và tuổi đời qui định. Song loại tình cảm này cũng không thể hiện đồng đều ở sinh viên tùy thuộc vào những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, tùy thuộc vào quan niệm và kế hoạch đường đời của mỗi người. Nhân cách của thanh niên sinh viên phát triển khá toàn diện và phong phú.

Sau đây chỉ xin nêu những đặc điểm đặc trưng nhất:

+ *Đặc điểm về tự đánh giá, tự ý thức, tự giáo dục ở sinh viên.*

Tự đánh giá bản thân được đánh giá là một trong những phẩm chất quan trọng của mỗi cá nhân, đây được xem như một trình độ phát triển cao của nhân cách. Tự đánh giá giúp cá nhân có thể định hướng, điều chỉnh hoạt động, hành vi của chủ thể nhằm đạt mục đích. Tự đánh giá còn giúp con người không chỉ biết người mà còn "biết mình". Tự đánh giá ở tuổi sinh viên là một hoạt động nhận thức, trong đó đối tượng nhận thức chính là bản thân chủ thể, là quá trình chủ thể thu thập, xử lý thông tin về chính mình, chỉ ra được mức độ nhân cách tồn tại ở bản thân, từ đó có thái độ hành vi, hoạt động phù hợp nhằm tự điều chỉnh, tự giáo dục để hoàn thiện và phát triển [2]

Đặc điểm tự đánh giá ở sinh viên mang tính chất toàn diện và sâu sắc. Biểu hiện cụ thể của tự đánh giá, không chỉ đánh giá hình bên ngoài, hình thức mà còn đi sâu vào các phẩm chất, các giá trị của nhân cách. Tự đánh giá giúp cá nhân không chỉ hiểu rõ

bản thân Tôi là ai? mà còn biết Tôi là người thế nào? Tôi có những phẩm chất gì... Hơn thế họ còn có khả năng đi sâu lý giải câu hỏi: Tại sao tôi là người như thế? Vì vậy, tự đánh giá của sinh viên vừa có ý nghĩa tự ý thức, tự giáo dục. [28]

+ *Tự ý thức* là một tầng phát triển cao của ý thức, không chỉ giúp sinh viên có hiểu biết để có thể chủ động về hành vi, cử chỉ của mình từ đó có thể chủ động hướng hoạt động của mình đi theo những yêu cầu đòi hỏi của tập thể, của cộng đồng xã hội.

Qua một số nghiên cứu tự ý thức, tự đánh giá ở sinh viên cho thấy rằng sự phát triển của những phẩm chất nhân cách có liên quan đến trình độ học lực cũng như kế hoạch sống trong tương lai của sinh viên. Thực tế đã chứng minh thường những người có trình độ học vấn thì thường những người đó có phẩm chất nhân cách và ngược lại. Và những sinh viên có kết quả học tập cao thường chủ động trong việc tự đánh giá, kiểm tra hành động để hướng tới những tri thức khoa học nhằm tự hoàn thiện bản thân. Trong thực tế có những sinh viên có kết quả học tập thấp việc tự đánh giá bản thân thường không phù hợp và những sinh viên tự đánh giá mình quá cao, thường bị động trong học tập. Vì vậy cần giúp những sinh viên này thay đổi sự tự đánh giá ở mức lạc quan, tự tin hơn là điều rất cần thiết. Chính điều này sẽ làm thay đổi thái độ đối với bản thân sinh viên. Qua đó mà lòng tự tin, tính tự trọng phát triển theo chiều hướng tốt, tạo điều kiện để vươn lên trong học tập và phấn đấu, rèn luyện nhân cách.

Tóm lại, những phẩm chất nhân cách: tự đánh giá, lòng tự trọng, tự tin, sự tự ý thức đều phát triển mạnh mẽ ở tuổi sinh viên. Chính những phẩm chất nhân cách bậc cao này có ý nghĩa rất lớn đối với việc tự giáo dục, tự hoàn thiện bản thân theo hướng tích cực của những trí thức tương lai.

+ *Sự phát triển về định hướng giá trị ở sinh viên.*

Có rất nhiều quan niệm khác nhau về định hướng giá trị. Song có thể nêu những nét cơ bản sau đây về khái niệm định hướng giá trị. Định hướng giá trị đúng giúp sinh viên điều khiển, điều chỉnh hành vi, lối sống của chủ thể nhằm vươn tới những giá trị tốt đẹp. Như vậy muốn thành công khi làm bất cứ việc gì cần vạch ra kế hoạch rõ ràng

Ví dụ: những giá trị về chân, thiện, mỹ đã định hướng cho sự phấn đấu của loài người trong bao nhiêu thế kỷ. Giá trị hòa bình, độc lập dân tộc, tự do, chủ nghĩa xã hội đã là những định hướng giá trị cho bao thế hệ thanh niên Việt Nam....

Định hướng giá trị có nhiều tầng bậc, phạm vi khác nhau. Có những giá trị là định hướng cho một quốc gia, một thế hệ, cũng có những định hướng giá trị có phạm vi hẹp chỉ trong một nhóm nào đó. Định hướng giá trị có tính bền vững tương đối là một khái niệm động, không phải bất biến nên có thể thay đổi tùy theo hoàn cảnh, điều kiện kinh tế chính trị, xã hội.

Định hướng giá trị phát triển khi các bạn nhận thức được việc mình làm và tự chịu trách nhiệm về những hành vi đó, khi họ phải đứng trước việc chọn nghề, chọn các chuyên ngành khác nhau trong việc thi vào các trường ĐH - CĐ. Định hướng giá trị của sinh viên liên quan mật thiết với xu hướng nhân cách và kế hoạch đường đời của họ. Với sinh viên, những ước mơ, hoài bão, những lý tưởng của tuổi thanh xuân dần dần được hiện thực, được điều chỉnh trong quá trình học tập ở trường ĐH [28, tr53]. Nhiều sinh viên khi ngồi trên ghế giảng đường ĐH đã biết sắp xếp thời gian lên kế hoạch mục tiêu cho riêng mình, từ đó từng bước thực hiện những kế hoạch đã đặt ra. Với sự phát triển khoa học công nghệ như hiện nay, nhờ MXH sinh viên có thể dễ kiếm tìm việc làm nhằm thỏa mãn những yêu cầu học tập ngày càng cao và tạo điều kiện thuận lợi cho việc hành nghề sau này

Nói chung những đặc điểm trên của sinh viên đã phát triển cao độ, đặc biệt là tình cảm đạo đức và tình cảm trí tuệ

Do đây là lứa tuổi cần được giao lưu, trò chuyện và kết nối bạn bè, tìm hiểu những người bạn khác giới, tìm hiểu những điều mới mẻ thì MXH là nơi đáp ứng nhu cầu của giới trẻ nói chung và sinh viên nói riêng. Chính điều này tạo ra một sân chơi bổ ích gắn kết mọi người khắp nơi trên thế giới.

Những hoạt động cơ bản của sinh viên

Theo quan điểm của Tâm lý học hoạt động: hoạt động là sự tác động qua lại giữa con người và thế giới. Trong đó con người làm biến đổi thế giới, tạo ra sản phẩm cả về phía khách thể và chủ thể. Đồng thời thế giới tác động trở lại chủ thể làm cho con người có nhận thức mới, năng lực mới. [19]

Như vậy con người có rất nhiều hoạt động trong cuộc sống như: hoạt động lao động, hoạt động học tập, hoạt động vui chơi, hoạt động nghiên cứu khoa

học... Ở mỗi lứa tuổi khác nhau sẽ có một hoạt động chủ đạo chi phối các hoạt động khác [19]

Ở lứa tuổi sinh viên hoạt động học tập, hoạt động xã hội và môi trường sống của sinh viên có những nét đặc trưng và đòi hỏi khác về chất so với các lứa tuổi trước đó. Để hoạt động học tập có kết quả, khi mới bước vào giảng đường Đại học, trong thời gian đầu sinh viên phải thay đổi cách sống để thích nghi với những hoạt động xã hội cũng như hoạt động xã hội và sinh hoạt trong đời sống tập thể của sinh viên

Lên đến Đại học với cách học và tiếp thu kiến thức hoàn toàn một cách tự giác, vì vậy đòi hỏi tìm tòi kiến thức sâu, tìm hiểu những môn học, những chuyên ngành khoa học cụ thể một cách chuyên sâu để nắm được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, qui luật của các khoa học đó, với mục đích trở thành những chuyên gia về ngành nghề mà mình đã chọn. Hoạt động nhận thức của họ một mặt phải kế thừa một cách có hệ thống những thành tựu đã có, mặt khác lại phải tiệm cận với những thành tựu của khoa học đương đại và có tính cập nhật, thời sự. Chính vì vậy, nét đặc trưng cho hoạt động học tập của sinh viên là sự căng thẳng nhiều về trí tuệ, sự phối hợp của nhiều thao tác tư duy như phân tích, so sánh, tổng hợp, trừu tượng hóa, khái quát hóa [2]

Hoạt động học tập của sinh viên diễn ra một cách có kế hoạch, có mục đích, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp đào tạo theo thời gian một cách chặt chẽ nhưng đồng thời không quá bị khép kín, quá cầu nệ mà lại có tính chất mở rộng khả năng theo năng lực, sở trường để họ có thể phát huy được tối đa năng lực nhận thức của mình trong nhiều lĩnh vực.[30]. Phương tiện hoạt động nhận thức của sinh viên được mở rộng và phong phú với các thư viện, phòng đọc, phòng thực nghiệm, phòng bộ môn với những thiết bị khoa học cần thiết của từng ngành đào tạo. Do đó phạm vi hoạt động nhận thức của sinh viên đa dạng: vừa rèn luyện kỹ xảo vừa phát huy kỹ thuật nghề nghiệp của mình

Sinh viên hoạt động chủ đạo là hoạt động học bên cạnh đó mỗi sinh viên cần cho bản thân có khoảng thời gian để vui chơi bên bạn bè như tham gia các hoạt động tập thể của lớp, giải trí.

- *Thế dục rèn luyện sức khỏe*: tác dụng của việc tập thể dục thể nào chắc ai cũng biết nhưng không phải sinh viên nào cũng áp dụng được vào cuộc sống hàng

ngày. Đây là phương pháp rất tốt để bạn sáng khoái, có đầy đủ năng lượng cho một ngày mới học tập hiệu quả hơn, thế nên hãy tạo thành thói quen tập thể dục nâng cao sức khỏe cho bản thân cũng như tinh thần học tập.

- *Tham gia các hoạt động ngoại khóa*: sinh viên nên tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa như các câu lạc bộ thể thao hoặc câu lạc bộ âm nhạc... Các hoạt động ngoại khóa không chỉ là nơi bạn được thể hiện những tài năng của bản thân, được tham gia những hoạt động mình yêu thích mà còn góp phần tích cực vào quá trình học tập và rèn luyện các kỹ năng trong cuộc sống.

- *Dành khoảng thời gian nhất định để giải trí*: chăm chỉ học tập không có nghĩa là mọi thời gian bạn đều dành cho sách vở. Mỗi sinh viên cần có cho mình khoảng thời gian nhất định để vui chơi bên bạn bè, tham gia các hoạt động tập thể của lớp của trường.

Hiện nay với sự phát triển của công nghệ thông tin việc giải trí những lúc chán hay mệt mỏi qua MXH không còn xa lạ đối với hầu hết sinh viên.

1.2.2. Khái niệm hành vi

Trong thuyết hành vi cổ điển, hành vi được hiểu một cách rất đơn giản đơn giản, hành vi là tổ hợp các phản ứng của cơ thể trước các hành động của con người và trả lời các kích thích từ môi trường tác động vào [11].

Theo X.L. Rubinsten, hành vi là một hình thức đặc biệt của hoạt động: nó chỉ có thể trở thành hành vi khi mà động cơ đó được hành động có mục đích, và kế hoạch đó được chuyển từ đối tượng chuyển sang kế hoạch quan hệ nhân cách xã hội. Hai kế hoạch này không tách rời nhau mà có mối quan hệ với nhau [6, tr260]

Theo A. Maslow, hành vi của con người không chỉ được thể hiện ra bên ngoài gồm các hành vi quan sát được mà hành vi còn là những phản ứng bên trong không quan sát được. Nếu tâm lý học hành vi lấy điều kiện bên ngoài làm nguyên tắc quyết định cho hành vi con người thì phân tâm học lấy điều kiện bên trong làm nguyên tắc quyết định. [18]

Qua xem xét lý luận về hành vi của các trường phái trong tâm lý học phương Tây, các trường phái này đều có những điểm hợp lý, họ đã khắc phục được cách nhìn duy tâm về hành vi con người, đã có những đóng góp tích cực cho việc nghiên cứu

hành vi con người. Tuy vậy lý luận của các trường phái này vẫn chưa hoàn toàn lý giải được một cách đầy đủ những vấn đề cốt lõi về hành vi con người. Trình bày các quan điểm của những trường phái trên nhằm hiểu thêm về những vấn đề cần bổ sung cho nghiên cứu về hành vi, luận văn sẽ kế thừa những giá trị tích cực và hợp lý để tiếp tục nghiên cứu về hành vi sử dụng MXH.

L.X. Vygotsky với bài viết “Ý thức là vấn đề của tâm lý học hành vi” đây được xem là cương lĩnh đầu tiên của lý thuyết hành vi cho rằng hoạt động là cuộc sống và lao động của mỗi người. Nghĩa là phải hiểu hành vi là hoạt động đối với mỗi cá nhân cũng như trong cuộc sống tâm lý ý thức của người đó

Đặc biệt chú ý đến luận điểm của A.N.Leonchiev khi cho rằng, trong bản thân ý thức có cái “nghĩa” và cái “ý”. Trong thuyết hành vi thì quan điểm này rất quan trọng khi xem xét hành vi trong mối quan hệ với xã hội. Điều này giúp chúng ta giải thích các hành vi của con người là rất phức tạp, trong đó có hành vi sử dụng MXH, hành vi mà chủ thể phải biết lựa chọn cho mình cái gì phù hợp với bản thân trong những tình huống cụ thể.

Cũng trong khuynh hướng này, tác giả Phạm Minh Hạc cho rằng “Hành vi của con người là những biểu hiện bên ngoài thông qua các hoạt động và bao giờ hoạt động đó cũng gắn liền với động cơ, mục đích”[19, tr 222].

Vũ Dũng trong cuốn từ điển Tâm lý học đã viết “ Hành vi là sự tương tác của cá nhân với môi trường bên ngoài trên cơ sở tính tích cực bên ngoài (vận động) và bên trong (tâm lý) của chúng, trong đó có định hướng của cơ thể sống đảm bảo thực hiện các tiếp xúc với thế giới bên ngoài ”[6, tr259]

Theo từ điển Tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên (1986) thì: Hành vi được hiểu là toàn bộ những phản ứng, cách cư xử biểu hiện ra bên ngoài của một người trong một hoàn cảnh cụ thể nhất định [20]. Như vậy, có thể hiểu hành vi như là một yếu tố mang tính xã hội và được hình thành trong quá trình sống và giao tiếp xã hội. Mọi ứng xử của con người đều có những nguyên tắc nhất định buộc mọi người phải tuân theo đối với mỗi cá nhân trong từng thời điểm, từng hoàn cảnh cụ thể thì cần có những hành vi ứng xử phù hợp.

Đặng Thanh Nga cho rằng “ Hành vi là cách xử sự của con người trong một hoàn cảnh cụ thể được biểu hiện ra bên ngoài bằng lời nói, cử chỉ nhất định”. Tuy nhiên cách xử sự của con người trong những hoàn cảnh và điều kiện cụ thể có thể được kiểm duyệt bởi ý thức (hành vi có ý thức) nhưng cũng có thể không được kiểm duyệt bởi ý thức (hành vi vô thức) vì vậy mà khi nói đến hành vi của con người là bao gồm cả hành vi có ý thức và hành vi vô thức [25,tr75-77]

Như vậy từ những khái niệm trên chúng tôi có thể hiểu: *Hành vi là sự ứng xử của chủ thể đối với môi trường, đối bản thân họ và đối với người khác do ý thức định hướng, điều khiển, điều chỉnh*

1.2.2.1. Đặc điểm hành vi

Hành vi là những ứng xử cụ thể của cá nhân được thể hiện trên những hành động sao cho phù hợp với các chuẩn mực của xã hội nên hành vi có một số đặc điểm chủ yếu sau:

- *Tính tự phát*: Hành vi của con người là tự động, tự phát, chứ không phải là bị động. Sự vật ngoại giới chỉ có thể ảnh hưởng, thậm chí làm thay đổi hành vi của con người, nhưng không thể dẫn đến hành vi của con người.[19]

- *Tính nguyên nhân khởi đầu*: Bất cứ một hành vi nào được sản sinh ra đều có nguyên nhân cụ thể của nó.[19]

- *Tính mục đích*: Hành vi của con người không phải là mù quáng. Nó không những có nguyên nhân khởi nguồn mà còn có mục tiêu nhất định. Có thể người bên cạnh thấy hành vi đó không hợp lý, nhưng bản thân người hành động lại thấy hành vi đó phù hợp với mục tiêu của mình.[19]

- *Tính duy trì kéo dài*: Hành vi luôn hướng đến mục tiêu, nhưng trước khi mục tiêu chưa được thực hiện thì nói chung hành vi không tự động ngừng lại, mà luôn cố gắng vươn lên để đạt được mục tiêu.[19]

- *Tính thay đổi*: Hành vi có thể thay đổi do sự tác động của các nhân tố hoàn cảnh hay sự thay đổi mục tiêu.[15]

Những đặc tính chung trên đây của hành vi chứng tỏ hành vi của con người là do nhu cầu của họ bị kích thích mà sản sinh ra. Nó biểu hiện: tư tưởng, tình cảm và bản năng của con người trong hành động thực tế. Song hành vi của con người không

những liên quan với trạng thái ý muốn của cá nhân mà còn liên quan đến môi trường trong điều kiện cụ thể đó. Vì các điều kiện như thời gian, địa điểm khác nhau nên trong xã hội có những hành vi khác nhau được sản sinh ra.

Nhà tâm lý học Đức là Abraham Maslow đã đưa khái niệm “trường” trong vật lý vào tâm lý học, do đó ông đã rút ra lý luận sau: Tâm lý và hành vi của con người được quyết định bởi tác dụng tương hỗ giữa nhu cầu nội tại với môi trường xung quanh. Khi nhu cầu của con người chưa được thỏa mãn thì sẽ sản sinh ra sức căng trong trường lực nội tại và các nhân tố môi trường xung quanh gây tác dụng châm ngòi. Hướng hành vi của con người được quyết định bởi trường lực nội tại và sự tác dụng tương hỗ của các trường lực (nhân tố hoàn cảnh) chung quanh. Trong đó nhân tố quyết định nhất là sức căng của trường lực nội tại.[9]

Dựa theo lý luận “trường” đó, ông Mallow đã khái quát được công thức hành vi nổi tiếng như sau:

$$B = f(PE)$$

Trong đó:

B: là hành vi

P: là nhu cầu cá nhân (tức nhu cầu tâm lý nội tại).

E: là hoàn cảnh khách quan đã ảnh hưởng hoàn cảnh ngoại giới).

f: là ký hiệu hàm số.

Công thức này nói rõ hành vi B của con người là hàm số của nhu cầu P (nhân tố nội tại) và hoàn cảnh E lúc đó.[9]

Trong thực tế, hành vi của con người luôn là sự phản ứng tổng hợp của nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan. Tức là kết quả của nó là sự tương hỗ giữa bản thân và hoàn cảnh. Do đó khi hành vi được thể hiện ra bên ngoài thì có những hành vi hợp lý và có những hành vi không hợp lý, có hành vi chính xác và cũng có hành vi không chính xác. Hành vi hợp lý thì có lợi tạo điều kiện để họ đạt được mục tiêu. Ngược lại là không có lợi thì nó sẽ kìm hãm thành công của mỗi cá nhân. Vì vậy trong cuộc sống những hành vi có lợi nên được tăng cường phát huy, những hành vi không lợi nên được giảm yếu

Chính vì lẽ đó, việc nghiên cứu hành vi của con người đối với mục đích đạt đến nhân hòa của chúng ta trở thành môn khoa học vô cùng có giá trị. Dưới đây chúng tôi sẽ bàn đến quy luật hành vi của cá thể, đồng thời từ đó mà phát hiện ra những quy luật có ích đối với chúng ta

1.2.2.2. Phân loại hành vi

Dựa vào các tiêu chí khác nhau mà người ta có thể phân loại hành vi theo nhiều cách như:

- *Hành vi bản năng*: Là hành vi bẩm sinh, di truyền, cơ sở sinh lý của loại hành vi này là phản xạ không điều kiện. Hành vi bản năng nhằm thoả mãn các nhu cầu sinh lý của cơ thể. Loại hành vi này có cả ở động vật và người. Việc loài chim việc làm tổ, mớm mồi cho con... là hành vi bản năng để sinh tồn.[23]

Hành vi bản năng ở con người được biểu hiện ở bản năng tự vệ, bản năng sinh dục, bản năng dinh dưỡng. Tuy nhiên hành vi bản năng của con người có sự tham gia của tư duy và ý chí mang tính xã hội và mang đặc điểm lịch sử.

- *Hành vi kỹ xảo*: Là một hành vi mới tự tạo trên cơ sở luyện tập. Hành vi kỹ xảo có tính mềm dẻo và thay đổi. Loại hành vi này nếu được rèn luyện củng cố thường xuyên sẽ được định hình trên vỏ não [23]

- *Hành vi trí tuệ*: Là hành vi kết quả của hoạt động, nhằm nhận thức bản chất, các mối quan hệ xã hội có tính quy luật nhằm thích ứng và cải tạo thế giới khách quan.

Hành vi trí tuệ của con người luôn gắn liền hệ thống tín hiệu thứ 2 - là ngôn ngữ ở loài vật không có hành vi trí tuệ.

- *Hành vi đáp ứng (ứng phó để tồn tại, phát triển)*: là những hành vi ngược lại sự tự nguyện của bản thân, hành vi mà mình không có sự lựa chọn.

- *Hành vi chủ động*: là hành vi tự nguyện, tự phát, loại hành vi này thường được điều khiển bởi một chuỗi hành vi khác.

- *Hành vi xã hội (hay hành động xã hội)*: Định nghĩa của nhà xã hội học người Đức Max Weber về hành động xã hội được cho là hoàn chỉnh nhất; ông cho rằng, hành động xã hội là hành vi mà chủ thể gắn cho ý nghĩa chủ quan nhất định, một hành động xã hội là một hành động của một cá nhân mà có gắn một ý nghĩa vào hành động ấy, và cá nhân đó tính đến hành vi của người khác, bằng cách như vậy mà định hướng vào

chuỗi hành động đó. Weber đã nhấn mạnh đến động cơ bên trong chủ thể như nguyên nhân của hành động - Một hành động mà một cá nhân không nghĩ về nó thì không thể là một hành động xã hội. Mọi hành động không tính đến sự tồn tại và những phản ứng có thể có từ những người khác thì không phải là hành động xã hội [23]

Hành động không phải là kết quả của quá trình suy nghĩ có ý thức thì không phải là hành động xã hội. Tuy nhiên việc phân chia này cũng chỉ mang tính quy ước ở một mức độ nhất định. Các loại hành vi của con người luôn có quan hệ với nhau, việc đi từ hành vi bản năng đến hành vi kỹ xảo, hành vi trí tuệ và hành vi đáp ứng và cuối cùng là hành vi xã hội để đảm bảo cho sự tồn tại của cơ thể và hoạt động

1.2.3. Khái niệm hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên

Hành vi cá nhân là kết quả của sự tác động qua lại của các nhân tố chủ quan của chủ thể và các nhân tố khách quan của môi trường. Hành vi cá nhân luôn chứa đựng sắc thái và tính chất, trình độ phát triển của xã hội. Môi trường mới với những đặc điểm sinh hoạt không giống nhau giữa các bạn, với các mối quan hệ đa chiều giữa người với người dựa trên nền tảng yêu cầu về kỹ thuật, trên nền tảng thiên về yếu tố cá nhân do đó mà sức ảnh hưởng đến hành vi của mỗi cá nhân sẽ có cách ứng xử khác nhau

Chủ thể của hành vi có thể là một cá nhân có thể là một nhóm xã hội. Hành vi sử dụng MXH của sinh viên được biểu hiện thông qua các hành vi cụ thể nó phản ánh nhận thức, thái độ cũng như động cơ ý chí của sinh viên. Trong giới hạn của đề tài luận văn, chỉ quan tâm đến những hành vi biểu hiện ra bên ngoài thông qua các hành động cụ thể trong những hoàn cảnh khác nhau

Hành vi sử dụng MXH của sinh viên là những hành vi được biểu hiện qua các hành động bên ngoài như nội dung đăng tải trên MXH..., thông qua những hành vi để có ứng xử phù hợp với chuẩn mực mà bộ thông tin đã quy định đối đối với người sử dụng mạng xã hội. Để có những ứng xử phù hợp giữa sinh viên với chính bản thân mình và giữa sinh viên với người khác, với hững người xung quanh

Với cách đặt vấn đề như trên, khái niệm được xác định rõ: *Hành vi sử dụng MXH của sinh viên là cách ứng xử của con người với những phương tiện nhằm đạt*

được mục đích của chỉ thế và con người và hành vi này phải được thể hiện qua bên ngoài của cá nhân

Như chúng ta biết hành vi là một quá trình lâu dài và quá trình này chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố nhất định, trong đó có các yếu tố chủ quan (bên trong chủ thể: nhận thức, thái độ, đặc điểm tâm lý - xã hội cá nhân,...) và yếu tố khách quan (bên ngoài chủ thể: môi trường, điều kiện sinh hoạt, hoàn cảnh xã hội,...). Như vậy Hành vi sử dụng MXH nói chung cũng như hành vi sử dụng MXH nói riêng của sinh viên được hình thành từ hiệu ứng tích hợp của hành vi cá nhân và tác động của các yếu tố bên ngoài cá nhân

Trên quan điểm tiếp cận hoạt động – nhân cách và ý thức có thể xác định và phân loại một số hành vi. Hành vi sử dụng MXH của sinh viên được biểu hiện qua các hành động bên ngoài và thể hiện trong những tình huống nhất định, thông qua hàng loạt các thao tác mà chủ thể tác động với thế giới bên ngoài. Việc sử dụng các hành động đó như thế nào hoàn toàn phụ thuộc vào mỗi cá nhân, hành động đó có thể chỉ là những thói quen trong sinh hoạt hàng ngày và có thể đó chỉ là những hành vi nhất thời của cá nhân

Theo từ điển tâm lý học của tác giả Vũ Dũng (chủ biên) cho rằng hành vi đặc thù của mỗi cá nhân phụ thuộc nhiều vào tính chất cũng như mối quan hệ qua lại giữa các nhóm và các thành viên, vào chuẩn mực mà mỗi nhóm phải hoàn thiện để phù hợp với định hướng giá trị đề ra và nếu hành vi đó không phù hợp sẽ bị loại ra khỏi phạm vi cũng như tập thể, vì vậy yêu cầu mỗi cá nhân cần phải thể hiện tích cực trong mối quan đó [6]

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận cũng như kết quả thăm dò ý kiến sơ bộ của các chuyên gia, chúng tôi tập trung làm rõ những khía cạnh sau khi sử dụng MXH đó là:

Biểu hiện qua thời gian sử dụng mạng xã hội

Có thể nói rằng thời gian sử dụng MXH của SV phụ thuộc rất nhiều vào thời gian sinh hoạt tại gia đình và nhà trường. Sinh viên đại học được độc lập hơn về cuộc sống và học tập do đó thời lượng truy cập MXH nhiều hơn so với lứa tuổi học sinh cũng như những người đi làm. Cùng với sự phát triển của công nghệ và các loại hình giải trí, tin tức đã thi hút được sự quan tâm lớn của giới trẻ vào việc truy cập MXH do

vậy trong những năm gần đây số lượng sinh viên truy cập MXH một cách thường xuyên tăng lên mạnh mẽ. Đây thực sự là một thị trường khá mới mẻ và rộng lớn để các doanh nghiệp cũng như các cá nhân có thể khai thác kinh doanh

Trong thực tế số lượng bạn bè trên MXH đông đảo lên đến 500 bạn thậm chí còn nhiều hơn thế nữa. Vì vậy mà lượng thời gian SV dành cho MXH là tương đối nhiều. Trong khi đó, một nghiên cứu được dẫn từ Psychology Today đã chỉ ra số lượng bạn bè lý tưởng trên Facebook là khoảng hơn 300 người- con số này đủ để người dùng không cảm thấy cô đơn hay quá lệ thuộc vào người khác [17]

Biểu hiện qua nội dung chia sẻ trên mạng xã hội

Cũng giống như các biểu hiện của hành vi khác. Hành vi sử dụng MXH của sinh viên rất đa dạng thể hiện nhiều chiều trong cuộc sống, vì vậy mà các nội dung chia sẻ trên mạng xã hội rất đa dạng và phong phú, thể hiện nhiều chiều khác nhau và tạo sự quan tâm của nhiều người, nhiều sinh viên. Với những đặc điểm cá nhân và các đặc điểm của hoạt động chủ đạo của mình mà SV sẽ quan tâm đến những nội dung gì? Từ đó tác động đến hành vi chia sẻ các nội dung trên MXH. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng MXH không phải sinh viên nào cũng ý thức được hành vi của mình mà nhiều SV sử dụng MXH hoàn toàn theo trào lưu. Vậy SV thường chia sẻ những nội dung gì trên MXH, vì sao họ lại chia sẻ các thông tin đó.

Biểu hiện qua hành vi đăng tải các nội dung trên mạng xã hội

Hiện nay khi công nghệ phát triển thì việc giới trẻ đặc biệt là các bạn sinh viên thường hay đăng tải những nội dung liên quan đến cá nhân lên các trang MXH là điều hết sức bình thường. Việc đăng tải các nội dung liên quan đến cá nhân giúp mọi người ở xa có thể cập nhật thông tin của nhau sau bao ngày xa cách không gặp. MXH là công cụ hữu dụng để tra cứu thông tin cũng như giải trí cao, thể hiện quan điểm cá nhân. Với ứng dụng đặc biệt của MXH dễ dàng đăng tải thông tin của mình lên MXH đơn giản chỉ là những bức ảnh tự “sướng” hay những “món ăn ngon” cũng trở thành nội dung đăng tải trên các trang MXH và nhận được nhiều “like” của mọi người. Bên cạnh những mặt tích cực thì MXH còn là nơi mà nhiều sinh viên lợi dụng MXH còn đăng những bức ảnh “ sexy” để khoe thân hay những phát ngôn gây sốc để thu hút sự chú ý

của bạn bè xung quanh mình. Việc đăng tải nội dung hay hình ảnh cũng như thông tin lên mạng nhiều hay ít hoàn toàn phụ thuộc vào tính cách của mỗi sinh viên.

Biểu hiện qua bấm nút “like”

Nút “Like” như chính tên gọi của nó, đây là một cách để người sử dụng đưa ra những phản hồi của mình có thể là đồng ý hay không đồng ý nhằm kết nối những điều mà bạn quan tâm.[28]

Mặc dù nút “like” chính thức mới xuất hiện trong thời gian gần đây nhưng được các bạn trẻ yêu thích và sử dụng rất nhiều. Theo như mô tả của MXH thì nó như một cách để “đưa ra phản hồi tích cực và kết nối những điều bạn quan tâm”. Người dùng có thể bày tỏ thái độ đồng tình với bất kỳ nội dung nào được đăng tải trên MXH. Tuy nhiên sau một thời gian ra đời, like còn mang nhiều ý nghĩa nữa không đơn thuần chỉ là việc “thích” hay “không thích” mà nó còn là “tôi đã đọc”, “tôi đã hiểu” và “tôi tin như bạn”. Và trong mỗi trường hợp “like” lại mang một thông điệp mà người dùng muốn nói

Vậy những nội dung nào SV thường “like”? dường như “like” đã trở thành một biểu tượng quen thuộc của giới trẻ nói chung cũng như sinh viên nói riêng, đây được xem là một phương tiện giao tiếp mới trong một xã hội phát triển như hiện nay. Thế giới ảo – sinh viên không cần giao tiếp trực tiếp, không cần sử dụng lời nói, chỉ cần một hành động nhấn “like” thông qua các biểu tượng là đã biết được. Nếu hành vi này thường xuyên diễn ra, kéo dài sẽ ảnh hưởng nhất định đến tâm lý sinh viên hiện nay, ảnh hưởng đến các hoạt động sống và học tập của họ [28]

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên

Hành vi sử dụng MXH của sinh viên bị chi phối, ảnh hưởng bởi một số yếu tố chủ quan và khách quan. Trong quá trình sử dụng có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến việc hình thành hành vi sử dụng MXH

1.3.1. Các yếu tố chủ quan

1.3.1.1 Nhận thức của sinh viên

Hành vi sử dụng MXH là hành vi thể hiện ý chí của cá nhân trong việc bộc lộ giá trị của bản thân, là hành những động được xã hội đánh giá, nó phản ánh văn hóa của cộng đồng, mức độ hiểu biết và trình độ hiểu biết của chính cá nhân đó

Hành vi sử dụng MXH là một hành vi có ý thức, do đó để hình thành hành vi sử dụng MXH việc xem xét cấu trúc hành vi ý thức là điều cần thiết dựa trên các đặc điểm tâm lý của thanh viên xuất phát từ mối liên hệ giữa ba mặt nhận thức, thái độ và hành vi. Hành vi sử dụng MXH là một hành vi có ý chí “ là hành vi mà trong đó con người có ý thức cố gắng đạt những mục đích nhất định”[10,tr252]

Thông thường các hành vi ý chí gắn liền với quá trình tư duy vì điều quan trọng nhất trong các hành vi là phải nhận thức được vấn đề mà mình quan tâm thông qua các hành động cụ thể. Con người khi sử dụng một hành vi nào đó nếu không có tư duy sẽ không có được những hành vi có ý chí tự giác thật sự. Ở một khía cạnh khác thì việc truyền thụ kiến thức từ xã hội đến cá nhân không chỉ đơn giản là sự nhồi nhét những kiến thức vào đầu của con người mà việc tiếp thu kiến thức chính là khả năng chiếm lĩnh được những phương thức hành động mang tính lịch sử xã hội. Như vậy hành động của con người là hành động đã được nhận thức từ trước.

1.3.1.2. Thái độ của sinh viên

Có thể xem xét thái độ là một thuộc tính trọn vẹn của ý thức, thái độ cũng thể hiện ra biểu hiện bên ngoài thông qua các hành động của con người đối với đối tượng theo một hướng nhất định như thông qua các hành vi, cử chỉ, nét mặt cũng như cách thức ứng xử và lời nói của người đó trong những tình huống, điều kiện cụ thể. Có rất nhiều quan điểm khác nhau nhưng đa phần các nhà nghiên cứu đều cho rằng thái độ là môi trường để cá nhân hình thành hành vi. Điều này thể hiện việc con người sẽ lựa chọn cách thức hành động như thế nào trước. Thái độ là những đánh giá tốt, xấu, đồng tình hoặc không đồng tình là những xu hướng mang tính nhất quán của cá nhân thể hiện bằng việc ủng hộ hay không ủng hộ về một vấn đề nào đó

Thái độ của con người khi sử dụng MXH là những đánh giá về ý thức của họ khi sử dụng các trang MXH. Như vậy cần hiểu rằng để hình thành được ý thức khi sử dụng MXH của con người nói chung và sinh viên nói riêng cần làm cho họ nhận thức được MXH là gì, vai trò của MXH từ đó để có những hành vi cụ thể, những hành vi được lặp đi lặp lại nhiều lần sẽ trở thành hành vi ý thức

1.3.1.3. Động cơ của sinh viên

Khi nói đến động cơ là động lực thúc đẩy con người hành động giúp con người thỏa mãn các nhu cầu về cả tinh thần lẫn vật chất. Có nhiều quan niệm về động cơ nhưng có thể hiểu động cơ là tổng hợp các yếu tố thúc đẩy con người hành động như: mong muốn, tình cảm, niềm tin, khát vọng tư duy và thói quen...

Động cơ là sức mạnh thúc đẩy hành động. Để đánh giá được khách quan bản chất hành vi của mỗi người cần xem xét động cơ xuất phát bên trong của họ là rất quan trọng, làm tiền đề để đánh giá hành vi của họ. Vì vậy mà trong thực tế, có rất nhiều người có hành vi tương tự giống nhau nhưng với động cơ khác nhau, thì mỗi người lại có cách thức hành động khác nhau và rõ ràng là kết quả sẽ khác nhau

Từ những phân tích trên cho thấy khi sử dụng MXH, yếu tố bên trong là động cơ thúc đẩy con người quyết định cách thức sử dụng MXH như thế nào cho phù hợp với yêu cầu chuẩn mực của xã hội

1.3.1.4. Đặc điểm tâm lý lứa tuổi sinh viên

Sinh viên là những người trẻ tuổi với lòng nhiệt huyết cao, họ luôn có nhu cầu được chinh phục cái mới thông qua MXH, sinh viên có thể trao đổi những tư tưởng tình cảm cũng như công việc học tập của bản thân, Vì vậy MXH thực sự là công cụ không thể thiếu đối với giới trẻ đặc biệt là sinh viên. Sinh viên với lứa tuổi còn rất trẻ, khi rời khỏi trường ghé nhà trường phổ thông, việc lựa chọn cho mình ngôi trường phù hợp để học tập và theo đuổi ngành nghề mà mình yêu thích, đây là bước ngoặt lớn và có những thay đổi nhất định. Việc tìm kiếm bạn bè trong môi trường mới bước đầu gặp khó khăn vì phải đi làm quen, trò chuyện, giao lưu, nhưng với sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay thì việc này vô cùng đơn giản chỉ với hành động “like” hay một click chuột, thì bạn đã kết nối với cả thế giới thay bất kể về không gian hay thời gian thay vì việc phải đi gặp mặt trực tiếp.

1.3.2. Các yếu tố khách quan

1.3.2.1. Môi trường xã hội

Mỗi sinh viên là thành viên của cộng đồng, tùy thuộc vào đặc điểm tính cách của từng sinh viên, cá nhân sẽ bị tác động đến việc thể hiện hành vi khác nhau

Sinh viên trường Đại học Hải Dương đại đa số là các bạn sinh viên đến từ những nơi khác nhau, vùng miền khác nhau sau khi nhập học họ lại cùng sống trong một môi trường như cùng kí túc xá, xóm trọ, học chung một trường hoặc các trường khác nhau có những sở thích, sở trường khác nhau nhưng khi sống trong một môi trường họ lại có những mong muốn tìm đến nhau để được cùng nhau chia sẻ sở thích, cũng như trong học tập để cùng giúp nhau những lúc khó khăn nhất. Vì vậy MXH được xem là một nơi có tính cộng đồng cao có thể giúp sinh viên kết nối được những điều này

Sinh viên là tầng lớp tri thức cao của xã hội, với sự tìm tòi, nhạy bén của mình, đã tự tìm ra những trang MXH hay và bổ ích không chỉ phục vụ cho nhu cầu học tập mà còn giúp bản thân giải trí sau những giờ học tập căng thẳng. Trong quá trình sử dụng họ trao đổi kinh nghiệm của bản thân từ đó giới thiệu cho bạn bè những trang MXH có lợi với tính năng sử dụng dễ và thân thiện với mọi người dùng đặc biệt là các bạn trẻ.

1.3.2.2 Điều kiện sinh hoạt

Như chúng ta biết nhu cầu của con người được hình thành theo cơ chế từ thấp đến cao từ đơn giản đến phức tạp. Khi nhu cầu thấp đạt được sẽ hướng đến một nhu cầu cao hơn. Trong hành vi cũng vậy cũng theo cơ chế đó chỉ khi đạt được những hành vi đơn giản con người mong muốn chinh phục những hành vi phức tạp. Việc sử dụng một cách lâu dài sẽ tạo thành các thói quen, điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng để hình thành hành vi có ý thức. Việc hình thành các thói quen sẽ được thực hiện tương đối dễ dàng khi có những điều kiện sinh hoạt phù hợp. Hơn nữa sinh viên đa phần sống xa gia đình không có sự quản lý chặt chẽ của gia đình, thời gian nhiều không biết làm gì? Nên họ truy cập mạng MXH thường xuyên. Đây được coi là niềm vui để các bạn giải trí sau những giờ học căng thẳng

1.3.2.3 Phương tiện vật chất

Việc hình thành và tạo thói quen là một quá trình và sẽ được thực hiện tương đối nhanh khi có phương tiện vật chất đáp ứng yêu cầu của bản thân. Xã hội phát triển không ngừng đặc biệt khi công nghệ phát triển mạnh như hiện nay thì đời sống của sinh viên cũng được nâng cao, sinh viên đa phần đều có máy tính và điện thoại công

nghe cao kết nối internet tạo là môi trường thuận lợi để SV vào MXH một cách nhanh chóng và dễ dàng.

Như vậy trong các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên. Yếu tố khách quan như môi trường sống, phương tiện kỹ thuật là điều kiện quan trọng trong việc hình thành hành vi sử dụng MXH. Đây được xem là yếu tố khó kiểm soát trong điều kiện hiện nay. Yếu tố chủ quan: nhận thức, thái độ có mối quan hệ gắn bó tác động qua lại với nhau tạo nên đặc điểm tính cách riêng của mỗi cá nhân. Đây là những yếu tố bên trong khó tác động, muốn thay đổi cần có thời gian thay đổi nhận thức cũng như thái độ của họ

Tiểu kết chương

Chương 1 đã nghiên cứu về cơ sở lý luận của vấn đề nghiên cứu. Thông qua quá trình nghiên cứu tài liệu tác giả đã trình bày một số khái niệm cơ bản của đề tài như khái niệm hành vi, các đặc điểm, mức độ biểu hiện, các loại của hành vi. Đồng thời, đề tài cũng đã chỉ ra những yếu tố chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên. Một trong những khái niệm công cụ không thể thiếu khi nghiên cứu hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên là khái niệm sinh viên và một số đặc điểm tâm lý cơ bản của sinh viên ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội của họ. Nội dung cuối cùng chúng tôi trình bày trong chương này là khái niệm và những biểu hiện hành vi sử dụng MXH của sinh viên được thể hiện qua hành động cụ thể bên ngoài như thời gian, tần suất cũng như nội dung chia sẻ của sinh viên

Chương 2

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổ chức nghiên cứu

Đề tài được tổ chức nghiên cứu theo hai giai đoạn: nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tiễn

2.1.1. Vài nét về khách thể nghiên cứu

Tổng số khách thể được nghiên cứu là 300 sinh viên khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh của trường Đại học Hải Dương. Khách thể được phân bố cụ thể như sau:

Khách thể nghiên cứu chủ yếu là sinh viên khối ngành kế toán và quản trị chủ yếu học tại cơ sở 2 thuộc P. Hải Tân, Thành phố Hải Dương, những sinh viên thuộc khối ngành kỹ thuật học tại cơ sở mới tại phía nam Cầu Lộ Cương, thuộc Huyện Gia Lộc, Thành phố Hải Dương

2.1.2. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Trường Đại học Hải Dương là trường công lập trực thuộc Ủy Ban nhân dân tỉnh Hải Dương, là trường Đại học duy nhất của Tỉnh có xứ mệnh đào tạo đa ngành, cung cấp một khối lượng nhân lực cao cho xã hội đặc biệt là tỉnh nhà. Hải Dương là tỉnh nằm giữa Hải Phòng và Hà Nội nên có rất nhiều các khu công nghiệp đặc khu thu hút rất nhiều các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư. Đại học Hải Dương được xây dựng cơ sở mới tại phía Nam thành phố, với diện tích rộng 23 ha, với khu KTX được xây mới hoàn toàn sạch đẹp, đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên. Khu ký túc xá mới xây dựng, nhà trường tạo điều kiện bằng việc cho các bạn sinh viên ở không phải đóng tiền, chính lý do đó mà thu hút được khá nhiều sinh viên tham gia, đặc biệt các bạn ở xa và có điều kiện khó khăn. Tuy nhiên việc trường và khu ký túc xá mới xây dựng ở xa khu dân cư việc tham gia các trò chơi, giao lưu giữa các bạn có gặp chút khó khăn. Đây cũng là lý do mà sinh viên Đại học Hải Dương sử dụng MXH nhiều

2.1.3. Các giai đoạn nghiên cứu

2.3.1.1. Giai đoạn nghiên cứu lý luận

Phân tích, tổng hợp những công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước cũng như các tác giả nước ngoài về hành vi, hành vi sử dụng MXH của sinh viên từ đó

xác định kế thừa những luận điểm của họ đồng thời chỉ ra được những hạn chế ở các nghiên cứu để tiếp tục nghiên cứu

- Phân tích các biểu hiện của hành vi sử dụng MXH và các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên

2.3.1.2. Giai đoạn điều tra thử

- Mục đích: Xác định độ giá trị và độ tin cậy của bảng hỏi để rút kinh nghiệm, sửa chữa những câu hỏi không đạt yêu cầu.

- Phương pháp: Để điều tra thử, chúng tôi tiến hành sử dụng bảng hỏi đã được chuẩn bị ở giai đoạn trước.

- Khách thể nghiên cứu: Tiến hành nghiên cứu 100 sinh viên chính quy, trong đó 50 sinh viên ngành kế toán và 50 sinh viên ngành quản trị kinh doanh

- Nội dung: tiến hành khảo sát thử bằng phiếu trưng cầu ý kiến và xử lý độ tin cậy, độ giá trị của công cụ điều tra

- Xử lý số liệu: Dữ liệu thu thập được xử lý bằng chương trình phần mềm SPSS phiên bản 20.0. Ở giai đoạn này chỉ quan tâm chủ yếu đến độ tin cậy và độ giá trị của phiếu trưng cầu ý kiến

2.3.1.2. Giai đoạn điều tra chính thức

Chúng tôi sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: Pháp điều tra bằng phiếu trưng cầu ý kiến, phương pháp quan sát, phương pháp phỏng vấn sâu.

Pháp điều tra bằng phiếu trưng cầu ý kiến

* Mục đích

- Khảo sát thực trạng các biểu hiện bên ngoài của sinh viên khi sử dụng MXH

- Khảo sát thực trạng các mức độ nhận thức, thái độ của sinh viên về hành vi sử dụng MXH

- Khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên Đại học Hải Dương

* Nguyên tắc điều tra

Để có được câu trả lời chính xác, đáp ứng được yêu cầu của luận văn, sinh viên trả lời được tạo điều kiện thuận lợi nhất cho họ có một tâm lý thoải mái, để họ có thể tự nguyện trả lời một cách nghiêm túc

Mỗi khách thể tham gia bảng hỏi cần thực một cách độc lập, nghiêm túc theo suy nghĩ riêng của mình, không được phép trao đổi, bàn bạc với những người khác. Cá

nhân có thể hỏi điều tra viên về những câu hỏi mà họ không hiểu, điều tra viên và người trả lời diễn ra trong không khí gần gũi, thân mật.

* Cách thức xử lý số liệu

Sử lý số liệu đã thu thập được bằng chương trình SPSS phiên bản 22.0.

Ở giai đoạn này, chúng tôi quan tâm đến độ tin cậy và giá trị của bảng hỏi nên đã sử dụng hai kỹ thuật thống kê, đó là phân tích độ tin cậy của bảng hỏi bằng phương pháp tính hệ số Alpha

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong đề tài là:

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Nhằm phục vụ cho nghiên cứu lý luận chủ yếu là phương pháp nghiên cứu tài liệu, văn bản. Phương pháp này bao gồm các giai đoạn: phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát hóa những lý thuyết cũng như những vấn đề phương pháp luận và có liên quan đến đến nhu cầu sử dụng mạng xã hội của sinh viên.

Mục đích: Nghiên cứu, thu thập số liệu, khái quát hóa những thông tin về vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu của tác giả trong nước và nước ngoài, xây dựng cơ sở khoa học về mặt lý luận cho đề tài. Từ đó, phân tích và lý giải về mặt khoa học cũng như tính hợp lý của những quan điểm mà đề tài đã đưa ra.

Nội dung: Các vấn đề lý luận về hành vi sử dụng MXH, biểu hiện về hành vi sử dụng MXH

Các hình thức tiến hành: Nghiên cứu, thu thập thông tin từ các tài liệu, văn bản, sách báo trên có sở đó hệ thống hoá những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

2.2.2.1. Phương pháp điều tra bằng phiếu trưng cầu ý kiến

Quá trình điều tra bằng bảng hỏi gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn thiết kế bảng hỏi, giai đoạn điều tra thử, giai đoạn điều tra chính thức

- Giai đoạn thiết kế bảng hỏi:

Mục đích thu thập thông tin nghiên cứu nhằm mục đích hình thành nội dung sơ bộ cho bảng hỏi

Khách thể được thu thập thông tin: 300 sinh viên trong đó có 200 sinh viên khoa Kế toán và 100 sinh viên khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Hải Dương

Nội dung thu thập thông tin nghiên cứu: chúng tôi sử dụng hai nguồn thông tin đã được chuẩn bị từ trước đó là:

Đầu tiên trên cơ sở nghiên cứu tài liệu tổng hợp những nghiên cứu của tác giả ở trong cũng như nước ngoài về hành vi cũng như hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên. Tiếp đến chúng tôi tiến hành khảo sát thăm dò ý kiến sử dụng MXH của sinh viên đang học tập tại trường Đại học Hải Dương. Tổng hợp từ hai nguồn thông tin trên chúng tôi xây dựng một bảng hỏi cho sinh viên

Bảng hỏi cho sinh viên gồm hai phần

+ Phần 1: Tìm hiểu thực trạng: Biểu hiện của sinh viên khi sử dụng MXH Biểu hiện về thời gian, tần suất sử dụng, biểu hiện về nội dung chia sẻ, biểu hiện nội dung đăng tải, biểu hiện qua ấn nút “like”

+ Phần 2: Tìm hiểu một số yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên

Xử lý và phân tích kết quả điều tra: Số liệu thu thập được sau khi khảo sát phiếu điều tra được xử lý bằng phần mềm SPSS. Trong quá trình nghiên cứu đề tài chủ yếu dùng phương pháp phân tích thống kê mô tả và phân tích thống kê suy luận.

Cách tính số điểm trong bảng hỏi:

- Trong bảng hỏi, chúng tôi sử dụng mỗi thang đo có 4 lựa chọn trả lời. Đề tài cách tính điểm theo cách 4 – 3 – 2- 1 cho các lựa chọn như sau:

+ 4 điểm cho các lựa chọn: Rất đồng ý, Rất phù hợp, Rất thích, rất thường xuyên, rất ảnh hưởng.

+ 3 điểm cho các lựa chọn: phần lớn là thích, phần lớn là tích cực, đôi khi, khá, phần lớn ảnh hưởng.

+ 2 điểm cho các lựa chọn: Phần lớn không đồng ý, phần lớn là không thích, ít khi, trung bình, ảnh hưởng một phần.

+ 1 điểm cho các lựa chọn: Không đồng ý, không phù hợp, không thích, không ảnh hưởng.

- Tính điểm: Đề tài sử dụng thang đo 4 mức độ: Cao, khá cao, trung bình, thấp. Như vậy ĐTB cho mỗi thang đo (X) tối đa là 4 điểm và tối thiểu là 1 điểm.

Mô tả thang đo: Thang đo sử dụng thang điểm từ 1-4 và khi đó: giá trị khoảng cách= $(\text{Maximum} - \text{Minimum}) / n = (4-1) / 4$

Ý nghĩa các mức như sau:

- + Mức độ 1: Mức thấp: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 1,74$
- + Mức độ 2: Mức trung bình: $1,75 \leq \text{ĐTB} \leq 2,49$
- + Mức độ 3: Mức khá cao: $2,50 \leq \text{ĐTB} \leq 3,24$
- + Mức độ 4: Mức cao: $3,25 \leq \text{ĐTB} \leq 4$

Việc lượng hóa thành các mức độ như trên được sử dụng để đánh giá thực trạng các mặt của biểu hiện của hành vi sử dụng MXH của sinh viên, từ đó chỉ ra được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên trường Đại học Hải Dương. Cụ thể:

+ Biểu hiện qua thời gian, tần suất sử dụng MXH của sinh viên trường Đại học Hải Dương : thường xuyên sử dụng : $3,25 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; thỉnh thoảng sử dụng $2,50 \leq \text{ĐTB} \leq 3,24$; hiếm khi sử dụng : $1,75 \leq \text{ĐTB} \leq 2,49$; chưa bao giờ sử dụng : $1 \leq \text{ĐTB} \leq 1,74$.

+ Biểu hiện qua nội dung chia sẻ MXH của sinh viên trường Đại học Hải Dương : thường xuyên chia sẻ chia sẻ : $3,25 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; thỉnh thoảng chia sẻ: $2,50 \leq \text{ĐTB} \leq 3,24$; hiếm khi chia sẻ: $1,75 \leq \text{ĐTB} \leq 2,49$; chưa bao giờ chia sẻ: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 1,74$.

+ Biểu hiện qua nội dung đăng tải MXH của sinh viên trường Đại học Hải Dương : Thường xuyên thực hiện: $3,25 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; thỉnh thoảng thực hiện: $2,50 \leq \text{ĐTB} \leq 3,24$; hiếm khi: $1,75 \leq \text{ĐTB} \leq 2,49$; Chưa bao giờ : $1 \leq \text{ĐTB} \leq 1,74$.

+ Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên Đại học Hải Dương: Ảnh hưởng mạnh: $3,25 \leq \text{ĐTB} \leq 4$; Ảnh hưởng khá mạnh: $2,50 \leq \text{ĐTB} \leq 3,24$; Ảnh hưởng Trung bình: $1,75 \leq \text{ĐTB} \leq 2,49$; Ảnh hưởng yếu: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 1,74$.

2.2.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

Phỏng vấn sâu là phương pháp được sử dụng để tìm hiểu thêm thông tin của cá nhân hay để khẳng định mang tính đậm sâu hơn về một điều gì đó.

- Mục đích phỏng vấn: bổ sung, kiểm tra những thông tin thu nhập được thông qua phương pháp bảng hỏi. Nhằm tìm hiểu hành vi sử dụng mạng xã hội sinh viên

- Khách thể phỏng vấn: 15 sinh viên của khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh của trường đại học trong diện nghiên cứu

- Nội dung phỏng vấn: Phỏng vấn về thực trạng tình hình sử dụng MXH của sinh viên, phỏng vấn về các các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên. Qua đó phỏng vấn kết hợp mô tả xây dựng chân dung của sinh viên

- *Nguyên tắc phỏng vấn*: Cuộc phỏng vấn được tiến hành trong bầu không khí thân thiện, cởi mở, nhằm tạo cho sinh viên tâm trạng thoải mái, tránh đối đầu với khách thể để tạo cho họ cảm giác tin tưởng, thân thiện.

Các bước trong quá trình phỏng vấn: thời gian và địa điểm được sắp xếp linh hoạt sao cho phù hợp, thuận tiện nhất cho người được phỏng vấn. Khi phỏng vấn quan tâm đến những nội dung sau:

Đối với sinh viên

+ Thường sử dụng MXH vào thời gian nào?

+ Sinh viên nhận thức như thế nào về MXH?

+ Động cơ nào thúc đẩy hành vi sử dụng MXH của sinh viên?

+ Trong các yếu tố chủ quan và khách quan, yếu tố nào đóng vai trò quan trọng và ảnh hưởng nhiều đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên

Trong các bước này khách thể được trình bày một cách thoải mái về những vấn đề người phỏng vấn đặt ra, trong phỏng vấn, phải đưa ra những câu hỏi thích hợp nhất và vào thời điểm thích hợp

2.2.2.3. Phương pháp quan sát

Quan sát là phương pháp tri giác có kế hoạch, có mục đích của một sự kiện, hiện tượng, quá trình (hay hành vi cử chỉ của con người) trong những hoàn cảnh khác nhau nhằm thu thập thông tin về những số liệu, sự kiện cụ thể đặc trưng cho quá trình diễn biến của sự kiện, hiện tượng đó. Quan sát là phương thức cơ bản để nhận thức sự vật. Quan sát sử dụng một trong hai trường hợp: phát hiện vấn đề nghiên cứu: đặt giả thuyết kiểm chứng giả thuyết. Quan sát đem lại cho người nghiên cứu những tài liệu cụ thể, cảm tính trực quan, song có ý nghĩa khoa học rất lớn, đem lại cho khoa học những giá trị thực sự.

Mục đích: Thu thập thông tin để đánh giá thực trạng sử dụng MXH của sinh viên Đại học Hải Dương

Bên cạnh đó hỗ trợ nhằm bổ sung một số thông tin nhằm phân tích, đánh giá, làm rõ kết quả nghiên cứu từ điều tra bằng phiếu hỏi.

Nội dung: Quan sát các hành vi của sinh viên cụ thể qua các biểu hiện bên ngoài của sinh viên về thời gian sinh viên sử dụng MXH, nội dung sinh viên thường hay đăng tải và chia sẻ từ đó có những đánh giá một cách khách quan và chính xác

2.2.2.4. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

Mục đích: Xử lý các kết quả thu được từ điều tra phiếu phỏng vấn sâu làm cơ sở dữ liệu cho việc đánh giá vấn đề về thái độ đối với hoạt động thực tập tại doanh nghiệp của sinh viên.

Nội dung: Xử lý, thống kê các số liệu liên quan đến các nội dung trong phần đánh giá thực trạng.

Sử dụng thống kê toán học như một công cụ xử lý các tài liệu (xử lý các thông tin định lượng được trình bày dưới dạng: bảng số liệu, các con số, đã thu thập được từ các phương pháp nghiên cứu khác nhau như: điều tra bằng phiếu trưng cầu ý kiến hỏi, phỏng vấn sâu, ... làm cho các kết quả nghiên cứu của đề tài trở nên chính xác, đảm bảo độ tin cậy hơn

Cách thức tiến hành: Sử dụng các phương pháp xử lý số liệu cơ bản như tính phần trăm, điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC)

Tiểu kết chương

Trong chương này, chúng tôi đã trình bày về tiến trình thực hiện luận văn và các phương pháp mà chúng tôi đã sử dụng để thu thập và phân tích thông tin. Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã tiến hành thu thập thông tin lý luận và phát phiếu điều tra qua thực tiễn làm cơ sở quan trọng để xây dựng cơ sở lý luận, bộ công cụ nghiên cứu của đề tài. Kế hoạch nghiên cứu được tiến hành cụ thể, khoa học, chi tiết kết hợp với các phương pháp nghiên cứu lý luận, thực tiễn khoa học và có tính mới. Vì thế chúng tôi tin rằng kết quả nghiên cứu sẽ thu được một cách chính xác, khoa học và thuyết phục. Ở chương ba tôi sẽ tiến hành phân tích và trình bày một cách cụ thể từ kết quả điều tra thực tiễn.

Chương 3

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG BIỂU HIỆN HÀNH VI SỬ DỤNG MẠNG XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

3.1. Mức độ sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Đại học Hải Dương

Nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng các trang MXH của sinh viên trường Đại học Hải Dương hiện nay, tôi đưa ra câu hỏi “Bạn đang sử dụng mạng xã hội nào?” kết quả thu được như sau

Bảng 3.1. Mức độ sử dụng các trang MXH của sinh viên Đại học Hải Dương

Stt	Mạng xã hội	Mức độ								ĐTB
		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Chưa bao giờ		
		N	%	N	%	N	%	N	%	
1	Facebook	245	81,7	46	15,3	7	2,3	2	0,7	3.78
2	Zing me	35	11,7	120	40,0	138	46,0	7	2,3	2.61
3	Zalo	96	32,0	125	41,7	59	19,7	20	6,7	2.99
4	Youtube	75	25,0	125	41,7	70	23,3	30	10,0	2.82
5	Myspace	15	5,0	50	16,7	135	45,0	100	33,3	1.93
6	Twitter	10	3,3	70	23,3	116	38,7	104	34,7	1.95
7	Instagram	9	3,0	31	10,3	130	43,3	130	43,3	1.37
8	Mạng khác	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	

Qua bảng số liệu trên có thể thấy Facebook là MXH được sinh viên lựa chọn nhiều nhất với (ĐTB=3.78), đứng thứ hai là mạng Zalo với (ĐTB=2.99), đứng thứ ba (ĐTB=2.82), các trang mạng ít phổ biến hơn là Myspace(ĐTB=1.93), Twitter (ĐTB=1.95), Zingme (2.61) mạng Instagram (1.37) thấp nhất

Với MXH Facebook (ĐTB=3.78), 81,7% sinh viên Đại học Hải Dương thường xuyên sử dụng 15,3% sinh viên thỉnh thoảng sử dụng, chỉ có 2,3 sinh viên hiếm khi sử dụng và 0,7% sinh viên chưa bao giờ sử dụng MXH này. Mặc dù ra đời với thời gian

không lâu nhưng MXH đặc biệt MXH Facebook với những tính năng ưu việt, độ tương tác cao và dễ sử dụng. MXH này đã trở thành MXH phổ biến và được các bạn trẻ yêu thích nhất ở Việt Nam. Đặc biệt là sinh viên là những người còn trẻ tuổi, năng động muốn thể hiện bản thân với mong muốn giao lưu kết bạn trên MXH thì Facebook dường như không thể thiếu đối với mỗi bạn trẻ

Cùng với Facebook thì Zalo cũng là MXH được mọi người yêu thích và sử dụng nhiều đứng thứ hai chỉ sau Facebook. Zalo với (ĐTB=2.99) cụ thể như sau, có 32,0% sinh viên thường xuyên sử dụng mạng Zalo, 41,7% sinh viên thỉnh thoảng sử dụng, 19,7% sinh viên hiếm khi sử dụng và chỉ có 6,7% sinh viên chưa bao giờ sử dụng. Nếu như Facebook thu hút các bạn trẻ bởi tính năng chia sẻ và kết nối bạn bè trên thế giới, và mọi bình luận cũng như kết bạn đều công khai ai cũng có thể xem và bình luận được. Zalo cũng có tính năng gần giống Facebook đều kết nối bạn bè lại với nhau nhưng chỉ những người có danh bạ điện thoại hoặc biết số điện thoại của bạn bè mới có thể kết bạn và đọc được các bình luận. Mặc dù ra đời sau Facebook nhưng đây là mạng được các bạn trẻ khá ưa thích hiện nay

Đứng cuối bảng xếp hạng là Tamtay.vn (ĐTB=1,37) chỉ có 3,0% sinh viên thường xuyên sử dụng MXH này và có tới 43,3% sinh viên chưa bao giờ sử dụng MXH này. Mặc dù ra đời vào tháng 3/2007, tamtay.vn là mạng “made in VietNam” đầu tiên tích hợp đầy đủ tính năng của một MXH cơ bản. Trong ba năm phát triển ngoài thế mạnh về nội dung. Tamtay.vn gặp rất nhiều vấn đề như kết bạn, tìm kiếm bạn bè phải gửi đường link trang cá nhân vì vậy mà không nhận được ủng hộ của mọi người đặc biệt là sinh viên

Tóm lại, có quá nhiều các trang MXH mà sinh viên không thể biết hết được, có em biết trang này nhưng lại không biết đến các trang MXH khác đó cũng là điều dễ hiểu. Việc lựa chọn các trang MXH hoàn toàn phụ thuộc vào mục đích sử dụng của mỗi sinh viên

Bảng 3.2. Mục đích sử dụng mạng xã hội của sinh viên Đại học Hải Dương

Stt	Mục đích	N	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
1	Kết nối và giữ liên lạc bạn bè	202	67,3	1
2	Chơi game	5	1,7	7
3	Cập nhật các tin tức mới	15	5,0	4
4	Chia sẻ những sở thích của mình	10	3,3	6
5	Tham gia các nhóm trên mạng xã hội	14	4,7	5
6	Quảng cáo kinh doanh	29	9,7	2
7	Chat với bạn bè	25	8,3	3

Qua khảo sát có thể thấy đa phần sinh viên sử dụng MXH với mục đích là kết nối bạn và giữ liên lạc với bạn bè chiếm 67,3%, đứng thứ hai với mục đích kinh doanh và quảng cáo chiếm 9,7%

MXH với tính năng đa dạng, nguồn thông tin phong phú, MXH giúp cho người dùng kết nối và giữ liên lạc với nhau vượt qua trở ngại về không gian và thời gian, giúp mỗi cá nhân tiết kiệm chi phí về vật chất cũng như thời gian trong việc giao lưu kết nối bạn bè, chỉ cần một tin nhắn, một cuộc gọi video có thể nhìn thấy người thân thay thế cho việc viết thư truyền thống. Tiếp nữa MXH còn là kênh quảng cáo và kinh doanh online đang được nhiều người quan tâm không chỉ đối với các doanh nghiệp mà các bạn sinh viên cũng tham gia làm thêm như bán hàng qua MXH. Đây cũng là mục đích mà sinh viên chọn sử dụng MXH Facebook và Zalo là chủ yếu

Bên cạnh mục đích sử dụng của sinh viên, khi được hỏi nguồn thông tin nào sinh viên biết đến các trang MXH

Bảng 3.3. Nguồn biết tới mạng xã hội

Stt	Nguồn	N	%	Xếp hạng
1	Trên Internet	92	30,7	2
2	Quảng cáo	50	16,7	3
3	Bạn bè giới thiệu	127	42,3	1
4	Sách báo	30	10,0	4
5	Nguồn khác	1	0,3	5

Bảng số liệu trên cho thấy khi được hỏi bạn biết đến các trang MXH từ đâu, trong tổng 300 sv thì có tới 127 sinh viên trả lời do bạn bè giới thiệu chiếm 42,3%. Với môi trường sống có nhiều bạn bên cạnh. Đây cũng là điều dễ hiểu khi các bạn biết đến nguồn MXH

Với sự phát triển mạnh của công nghệ như hiện nay thì Internet là một kênh thông tin rất lớn để sinh viên biết đến. Có tới 30,7% sinh viên biết đến MXH qua Internet và một điều không thể phủ nhận rằng MXH khi xâm nhập vào Việt Nam đã góp phần đưa đến với người tiêu dùng những lợi ích vô cùng lớn. Theo thống kê của trung tâm số liệu quốc tế từ năm 2010 đến nay, Việt Nam đã liên tục đứng thứ top 20 quốc gia có số người dùng MXH lớn nhất thế giới với tỉ lệ hơn 30% dân số và con số này chắc chắn còn tăng trong những năm gần đây

Ngược lại “quảng cáo” chiếm 16,7% và “sách báo” chiếm 10% qua khảo sát đây là hai nguồn mà sinh viên biết đến ít nhất. Qua đây có thể thấy rằng với thời đại công nghệ phát triển như hiện nay thì việc sinh viên tìm hiểu về MXH tương đối dễ và có thể tìm kiếm ở bất cứ đâu

Khi mà công nghệ phát triển như hiện nay thì vai trò của MXH trong cuộc sống với mỗi cá nhân là vô cùng quan trọng. Nhưng việc sinh viên dành thời gian như thế nào để sử dụng MXH là một điều đáng lưu ý. Khi được hỏi ‘*ngày bình thường và ngày nghỉ bạn dành bao nhiêu thời gian cho MXH?*’ kết quả thu được như sau

Bảng 3.4. Thời gian dành cho mạng xã hội của sinh viên ĐH Hải Dương

Ngày bình thường				Ngày nghỉ cuối tuần hoặc rảnh rỗi			
Khoảng thời gian	N	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng	Khoảng thời gian	N	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
4 - 5 giờ /ngày	120	40,0	1	Dành hoàn toàn cho MXH	20	6,7	5
2 – 3giờ /ngày	100	33,3	2	Trên 5 giờ	100	33,3	1
1 – 2giờ /ngày	50	16,7	3	Dưới 4 giờ	70	23,3	2
Dưới 1giờ /ngày	30	10,0	4	Khoảng 1-2giờ	50	16,7	4
Dưới 30 phút	0	-	5	Không vào MXH	60	20,0	3

Kết quả điều tra cho thấy thời gian sử dụng MXH trong ngày bình thường và ngày nghỉ cuối tuần không khác nhau nhiều, vẫn dành khá nhiều thời gian cho MXH cụ thể như sau

Ngày bình thường có tới 120 sinh viên sử dụng MXH với khoảng thời gian từ 4 giờ - 5 giờ/ngày chiếm 40% tổng số sinh viên tham gia khảo sát. Trong khi đó có đến 33,3% sinh viên trung bình một ngày dành 2- 3 giờ đồng hồ trên MXH và chỉ có 16,7% sinh viên dành 1-2 giờ trên MXH, chỉ có 10% sinh viên dành dưới 1 giờ cho MXH. Và không có sinh viên nào dành dưới 30 phút để vào MXH

Tương tự như ngày bình thường vào ngày nghỉ của SV trường ĐH Hải Dương các bạn truy cập MXH cũng khá nhiều >5 giờ chiếm đến 33,3%, < 4 giờ là 23,3%, 1-2 giờ 16,7%. Như vậy có thể thấy rằng sinh viên ĐH Hải Dương trung bình một ngày dành rất nhiều thời gian trên MXH bất kể ngày bình thường cũng như ngày nghỉ, chúng ta thử làm một phép tính nhỏ với 120 sinh viên dành thời gian trên MXH từ 4-5 giờ/ ngày. Trong khi đó một năm chúng ta chỉ có 365 ngày thì họ đã có khoảng 60 –

120 ngày để sống trên thế giới ảo. Tôi nghe được một câu rất nổi tiếng trong bộ phim The Social Network “ Ngày xưa chúng ta sống trong hang động, sau đó sống trong thành phố, bây giờ chúng ta sống trên mạng” ngày nay với sự phát triển của công nghệ mỗi người cầm một chiếc điện thoại không ai nói với ai câu gì, giao tiếp hoàn toàn trên MXH từ việc thăm hỏi, trò chuyện đến mua sắm cũng trên các trang MXH. Việc “chìm đắm” nhiều giờ đồng hồ trên các trang MXH quả thực là một điều đáng lo ngại. Việc sử dụng nhiều giờ cho MXH ảnh hưởng không chỉ đến sức khỏe mà còn ảnh hưởng đến tâm lý, nhiều bạn trẻ ngại tiếp xúc giao lưu ngoài đời mà chỉ thích sống trong thế giới ảo. Khi có chuyện buồn hay vui đều lên mạng chia sẻ tâm sự. Bạn Nguyễn Thu L.cho biết “ khi sử dụng MXH nhiều trong ngày em thấy chóng mặt, nhiều khi còn cảm thấy như tụt huyết áp” Đây thực sự là vấn đề cần quan tâm không chỉ đối với nhà trường mà còn là sự quan tâm của các nhà quản lý hiện nay

Vậy khi sử dụng MXH phương tiện nào đã hỗ trợ giúp họ truy cập nhanh và thường xuyên nhất

Bảng 3.5. Thiết bị vào mạng xã hội

Thiết bị	Mức độ								ĐTB
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Chưa bao giờ		
	N	%	N	%	N	%	N	%	
Máy tính để bàn	33	11,0	46	15,3	173	57,7	48	16,0	2.21
Điện thoại	200	66,7	60	20,0	30	10,0	10	3,3	3.50
Laptop	155	51,7	85	28,3	45	15,0	15	5,0	3.27
Máy tính bảng	80	26,7	85	28,3	100	33,3	35	11,7	2.70
Thiết bị khác	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0.00
Tổng									1.71

Theo bảng số liệu cho biết. Điện thoại là phương tiện giúp sinh viên sử dụng MXH phổ biến nhất với 200 sinh viên thường xuyên sử dụng thiết bị này chiếm đến 66,7% tổng số sinh viên tham gia khảo sát. Laptop là công cụ được sinh viên sử dụng nhiều đứng thứ 3 với 51,7% người thường xuyên sử dụng

Hiện nay với sự phát triển của xã hội, đời sống của người dân ngày được nâng cao. Mỗi gia đình chỉ sinh từ một đến hai con, dồn tất cả tình yêu thương cả về vật chất cũng như tinh thần cho con cái vì vậy nhiều phụ huynh không tiếc tiền khi đầu tư cho con cái học những chiếc máy tính, điện thoại công nghệ cao phục vụ nhu cầu học tập cũng như nhu cầu giải trí của sinh viên. Việc sử dụng MXH còn giúp các bạn trẻ thuận lợi trong việc tìm kiếm tài liệu học tập. Điện thoại để bố mẹ cũng dễ liên lạc kiểm soát con cái bằng những chiếc điện thoại đời cao không chỉ có tính năng nghe gọi, nhắn tin thông thường mà còn có thể lướt web, chụp ảnh, chơi game. Đây được coi là nguyên nhân chính góp phần cho MXH trở nên phổ biến với mọi người đặc biệt là các bạn sinh viên. Theo cuộc khảo sát trên google được thực hiện vào quý I năm nay, có tới 17 triệu người đang dùng Smartphone chiếm 20% dân số, trong đó 70% số người được hỏi trả lời họ sử dụng Smartphone để truy cập Internet, 50% không bao giờ rời khỏi nhà mà không có Smartphone trong tay

Bảng 3.6. Mức độ sử dụng mạng xã hội trong một tuần

Stt	Nguồn	N	%	Xếp hạng
1	Tôi luôn sắp xếp việc học để có thể online mỗi ngày	30	10,0	3
2	Mỗi tuần 1-2 lần	20	6,7	4
3	Bất cứ khi nào rảnh tôi đều tranh thủ online	170	56,7	1
4	Mỗi tuần từ 3-4 lần	80	26,7	2
5	Khác	0	0,0	5

Nhìn vào bảng số liệu chúng ta biết đa phần sinh viên đăng nhập MXH *bất cứ khi nào rảnh đều tranh thủ online* chiếm 56,7% tổng số sinh viên được hỏi. Kế đến là mỗi tuần từ 3- 4 lần là 26,7% và luôn sắp xếp việc học để có thể online mỗi ngày là 10%.

Như vậy số lần truy cập MXH là khá thường xuyên. Chỉ cần sở hữu chiếc Smartphone có kết nối internet là sinh viên có thể online mà không cần thoát khỏi tên người đó. Chính vì sự tiện lợi của điện thoại là vật bất ly thân đối với mỗi sinh viên, lại vô cùng nhỏ bé có thể mang đi bất cứ nơi đâu, tự mỗi cá nhân tách mình ra khỏi thế giới xung quanh. Đây thực sự là điều cảnh báo trong xã hội hiện nay.

Bên cạnh việc có các phương tiện hỗ trợ truy cập MXH, nên mức độ đăng nhập vào MXH cũng

3.2. Thực trạng biểu hiện hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên đại học Hải Dương

3.2.1. Hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên đại học Hải Dương biểu hiện qua thời gian, tần suất sử dụng

Bảng 3.7. Thời gian sử dụng mạng xã hội xét theo hoàn cảnh

Nội dung	Mức độ								ĐT B
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Chưa bao giờ		
	N	%	N	%	N	%	N	%	
Trong giờ học	100	33,3	110	36,7	50	16,7	40	13,3	2.90
Nghỉ giải lao giữa các tiết	130	43,3	90	30,0	50	16,7	30	10,0	3.07
Trên xe (xe máy, xe buýt)	30	10,0	90	30,0	130	43,3	50	16,7	2.33
Khi đang ăn	30	10,0	121	40,3	125	41,7	24	8,0	2.52
Khi ở trong toilet	5	1,7	25	8,3	40	13,3	230	76,7	1.35
Trên giường trước khi đi ngủ	210	70,0	70	23,3	18	6,0	2	0,7	3.63
Trên giường vừa thức dậy	120	40,0	80	26,7	60	20,0	40	13,3	2.93
Khi đi gặp gỡ bạn bè	150	50,0	125	41,7	50	16,7	25	8,3	3.42
Khi đang chờ một việc/một người nào đó	140	46,7	115	38,3	40	13,3	5	1,7	3.30
Khi đang làm việc	50	16,7	50	16,7	80	26,7	120	40,0	2.10
Khi đang làm một hoạt động giải trí khác (vui chơi, xem phim, cà phê,,)	100	33,3	125	41,7	50	16,7	25	8,3	3.00

Nhìn vào bảng số liệu chúng ta thấy thời gian xét theo hoàn cảnh sinh viên sử dụng MXH ở tất cả mọi nơi, tùy từng nhu cầu cũng như tính cách của từng sinh viên mà có sự lựa chọn mức độ sử dụng khác nhau cụ thể

Thời gian sinh viên sử dụng MXH nhiều nhất là “*trên giường trước khi đi ngủ*” với (ĐTB=3.63), chiếm 70% sinh viên thường xuyên sử dụng vào khoảng thời gian này, “*khi đi gặp gỡ bạn bè*” với (ĐTB=3.42) chiếm 50% tổng số sinh viên được hỏi. MXH đã trở thành người bạn thân thiết đối với mỗi cá nhân đặc biệt là các bạn sinh viên, đa phần sinh viên đều có điện thoại kết nối Internet vì vậy đã trở thành thói quen trước khi đi ngủ đều lướt qua các trang mạng, nếu không sẽ cảm thấy khó chịu và ngủ không ngon con số này chiếm đến 70% trong tổng số người được khảo sát

Sinh viên online bất kể khi nào và ở đâu, họ đều tranh thủ truy cập MXH, dường như đó là một thói quen. “*Ngay cả khi đi gặp gỡ bạn bè hay đơn thuần đang chờ một người/một việc nào đó hoặc xem một bộ phim, đi cà phê với bạn bè*” mức độ thường xuyên chiếm > 40% tổng số sinh viên được hỏi.

Một điều đáng quan tâm ở đây trong tổng số sinh viên được hỏi thì có 33,3% sinh viên thường xuyên sử dụng MXH trong giờ học, và chỉ có 16,7% sinh viên hiếm khi sử dụng MXH trong giờ học. Đây thực sự là vấn đề cần quan tâm của nhà trường cũng như thầy cô trong việc chấn chỉnh lại nội quy sử dụng điện thoại trong giờ học, cũng như trong giờ làm việc

3.2.2. Hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên qua nội dung chia sẻ

Bảng 3.8. Những nội dung được chia sẻ trên mạng xã hội

Nội dung chia sẻ	Mức độ								ĐTB
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Chưa bao giờ		
	N	%	N	%	N	%	N	%	
Chia sẻ mọi thứ liên quan đến cá nhân qua MXH	256	85,3	42	14,0	2	0,7	0	0,0	3.53
Chia sẻ những vấn đề kinh tế, chính trị qua MXH	180	60,0	100	33,3	20	6,7	0	0,0	3.85
Chia sẻ những kiến thức liên quan đến chuyên ngành học	60	20,0	98	32,7	140	46,7	2	0,7	2.72

Chia sẻ công tác xã hội, tình nguyện	90	30,0	70	23,3	90	30,0	50	16,7	2.67
Chia sẻ “live stream” vào các hội nhóm và trang cá nhân	100	33,3	125	41,7	50	16,7	25	8,3	3

Từ kết quả nghiên cứu từ bảng 3.9 ta có thể biết đa phần sinh viên đều chia sẻ nội dung liên quan đến cá nhân qua MXH với (ĐTB=3.53) số sinh viên thường xuyên chia sẻ chiếm đến 85,3%. Chúng ta biết MXH là nơi tuyệt vời để chia sẻ những quan điểm và cũng để tìm người đồng cảm với mình. Tuy nhiên, việc chia sẻ những thông tin cá nhân của mình lên mạng xã hội khiến nhiều người gặp không ít rắc rối cho bản thân

Nội dung được sinh viên thường xuyên chia sẻ nhiều đứng thứ hai là “những vấn đề mang tính chính trị, kinh tế” với (ĐTB=3.53) chiếm 60%. Điều này thể hiện sinh viên đã biết quan tâm đến tình hình kinh tế, chính trị xã hội của đất nước, đó thực sự là điều rất mừng cho đất nước khi có một lượng lớn các bạn trẻ thế hệ tương lai, lực lượng lòng cốt để đất nước phát triển.

Bên cạnh việc chia sẻ các thông tin liên quan đến cá nhân lên mạng, thì việc chia sẻ “livestream” mà cư dân mạng và các bạn trẻ thường sử dụng cũng chiếm khá cao 33,3% tổng số sinh viên được hỏi. Điều này khẳng định ngoài việc chia sẻ các nội dung mang tính chất giải trí, sinh viên rất quan tâm đến việc kiếm tiền, cách thức mua hàng online. Bạn Ng.T. H sinh viên năm cuối khoa Quản trị kinh cho biết “*mình thường chia sẻ livestream một phần mình hay mua hàng trên đó, thứ hai hàng rẻ và đỡ mất thời gian, thứ ba mình học ngành quản trị kinh doanh năm nay ra trường rất muốn thử sức mình trong lĩnh vực này*”

Chia sẻ những kiến thức liên quan đến học tập, đến vấn đề tình nguyện ít được các bạn chia sẻ hơn. Một phần do trên MXH nội dung này ít được cập nhật nên ít khi hiện thị lên các tường cá nhân, mặt khác như khảo sát ở đầu bảng 3.2 mục đích lên MXH của sinh viên chủ yếu mang tính chất giải trí nhiều hơn

3.2.3. Hành vi sử dụng mạng xã hội qua nội dung đăng tải

Bảng 3.9. Những nội dung được đăng tải trên mạng xã hội

Nội dung đăng tải	Mức độ								ĐTB
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Chưa bao giờ		
	N	%	N	%	N	%	N	%	
Đăng tải tất cả những hình ảnh diễn ra trong cuộc sống của mình lên MXH	200	66,7	70	23,3	20	6,7	10	3,3	3.53
Đăng tải những bài viết, video liên quan đến việc học tập	100	33,0	88	29,3	90	30,0	22	7,3	2.89
Đăng lên trang cá nhân và các nhóm (group) để kinh doanh, bán hàng online	150	50,0	30	10,0	90	30,0	30	10,0	3.2
Đăng tải cách học tiếng anh	70	23,3	80	26,7	74	24,7	76	25,3	2.48
Đăng tải những bức ảnh “sexy” nhằm câu like	58	19,3	69	23,0	96	32,0	77	25,7	2.55
Đăng bài nhằm kêu gọi ủng hộ những người có hoàn cảnh khó khăn	78	26,0	90	30,0	100	33,3	32	10,7	2.71
Đăng những tấm gương tốt, việc tốt	90	30,0	78	26,0	100	33,3	32	10,7	2.75
Nội dung khác		0,0		0,0		0,0		0,0	

Từ kết quả nghiên cứu về nội dung sinh viên thường đăng trên MXH của sinh viên chúng ta thấy sinh viên đại học Hải Dương thường xuyên đăng tất cả những hình ảnh diễn ra xung quanh bản thân lên mạng với (ĐTB=3.53) chiếm 66,7%, thỉnh thoảng chiếm 23,3%, hiếm khi 6,7% và chưa bao giờ 3,3%. Khi được hỏi bạn thường đăng những hình ảnh nào liên quan đến cá nhân, thì đa phần các bạn đều trả lời. Bạn N.M.A khoa Kế toán “ em là người thích nấu ăn, nên thường đăng các món ăn tự tay mình nấu, hoặc những chuyến đi du lịch của bản thân nhằm lưu giữ những khoảnh khắc của mình”, bạn Đào T. L “ em hay tự chụp ảnh “ tự sướng” sau đó chỉnh sửa và đăng tải nhằm câu like, đôi khi em còn viết các status mỗi khi có chuyện buồn vui để được nhận sự chia sẻ của mọi người

Nội dung thứ hai được các bạn sinh viên thường xuyên lựa chọn để đăng là đăng vào các hội, nhóm để kinh doanh, bán hàng với (ĐTB=3.2) chiếm 50%, thỉnh thoảng 10%, hiếm khi 30% và chưa bao giờ 10%. Như vậy có thể thấy bên cạnh các bạn năng động muốn kiếm thêm thu nhập giúp đỡ gia đình thì cũng có một số bạn không kinh doanh online con số này chiếm đến 30%

Mạng xã hội ra đời là công cụ hữu ích giúp sinh viên có thể liên lạc trao đổi những vấn đề liên quan đến học tập với (ĐTB=2.89), Chiếm 33% sinh viên thường xuyên sử dụng, trong đó chỉ có 7,3% sinh viên chưa bao giờ sử dụng MXH phục vụ công việc liên quan đến học tập. Thông qua MXH sinh viên trao đổi bài vở, liên lạc với thầy cô, tham gia các hoạt động ngoại khóa của trường lớp mà không cần phải trực tiếp gặp gỡ. Lớp trưởng Đào T. Lan sv năm cuối ngành kế toán cho biết “*Em ở huyện, lại đi đi về về ở trọ, mọi công việc của lớp em đều liên lạc qua Facebook, lớp chúng em có Group riêng có vấn đề liên quan đến lớp em đều đăng vào Group đó. Vì đa phần các bạn lớp em đều có tài khoản Fcebook*” tạo điều kiện tối đa cả về thời gian, công sức cũng như kinh phí

Ngoài ra còn một bộ phận sinh viên đăng những bức ảnh “sexy” nhằm câu like, mặc dù con số này là rất ít chỉ chiếm > 10% nhưng thực sự đây là con số đáng lo ngại bởi đây là thế hệ trẻ tương lai của đất nước hơn ai hết phải tập trung vào học tập, rèn luyện và tu dưỡng nhưng lại có những hành vi thiếu lành mạnh. Nếu tình trạng đó kéo dài sẽ khiến cho tâm lý và suy nghĩ của sinh viên lệch lạc, không tập trung học hành và lối sống hành vi không phù hợp

3.2.4. Hành vi sử dụng mạng xã hội qua nút “Like”

Bảng 3.10. Nội dung thường được “like”

Nội dung	Mức độ								ĐTB
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Chưa bao giờ		
	N	%	N	%	N	%	N	%	
“Like” ảnh	180	60,0	75	25,0	35	11,7	10	3,3	3.42
“Like” “Status”	121	40,3	79	26,3	55	18,3	45	15,0	2.92
“Like” các “Fan page” yêu thích	76	25,3	89	29,7	90	30,0	45	15,0	2.65
“Like” các “comment” của người khác	69	23,0	81	27,0	60	20,0	90	30,0	2.43

“Like” video	70	23,3	51	17,0	89	29,7	90	30,0	2.34
Khác									

Trong thực tế, trên MXH sinh viên thường tải nhiều nhất đó là hình ảnh, chính vì vậy “like” ảnh được các bạn chọn nhiều nhất với (ĐTB=3.42) chiếm 60%, Vậy tại sao các bạn sinh viên lại sử dụng “like” nhiều nhất cho nội dung này. Bạn Đặng. M.T *“thường em “Like” ảnh nhiều hơn vì nó đập vào mắt mình, còn “Satus” khi người khác post lên thì phải đọc, mà em thì rất lười đọc những satus đó vì rất dài*

Như vậy, lý do mà sinh viên thường dùng nút “like” cho hình ảnh nhiều bởi SV có thể nhìn thấy hình ảnh đó ngay và không phải mất thời gian xem hoặc đọc như chia sẻ liên kết hay video

Đối với “satus” tâm trạng là nội dung thứ hai được các bạn sinh viên đăng nhiều lên mạng sau hình ảnh và đây cũng là nội dung mà được các bạn ấn nút “like” nhiều chiếm 40,3% số sv thường xuyên “like”, tiếp đó là các trang “fan page” cũng là nội dung được nhiều người qua tâm. Cụ thể: *những trang bán hàng được các bạn sử dụng nút “ like” nhiều*

Ngoài những nội dung trên, hai nội dung còn lại được các bạn SV ít “like” hơn đó là những “comment” của người khác và các video được chia sẻ chiếm >20%

Như chúng ta biết MXH có rất nhiều tiện ích cho phép các tổ chức hay cá nhân có thể quảng cáo kinh doanh, có nhiều trang mạng cho sinh viên lựa chọn. Việc sinh viên lựa chọn nội dung nào “ like” hoàn toàn phụ thuộc vào mục đích làm gì

Bảng 3.11. Mục đích sử dụng nút “like” của sinh viên trường Đại học Hải Dương

Động cơ thực hiện	Mức độ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý			
Để lưu lại trang yêu thích	50	170	50	30	2.80	0.83	4
Thể hiện quan điểm, thái độ	70	121	60	50	2.71	1.00	2
Kinh doanh	75	125	60	40	2.78	0.97	3
Tương tác với bạn bè	175	35	50	40	3.15	1.12	1
Khác	0	0	0	0	0.00	0.00	5
Tổng					2.29	1.45	

Với mục đích sử dụng MXH nhằm kết nối bạn bè, duy trì các mối quan hệ với người thân. Việc duy trì các mối quan hệ đó thì sinh viên cần thường xuyên liên lạc với bạn và cần có sự tương tác một cách liên tục. Để duy trì được các mối quan hệ đó thì nút “like” chính là phương tiện được sử dụng nhiều và đem lại hiệu quả cao nhất. Từ kết quả nghiên cứu cho ta thấy sinh viên nhấn nút “like” với mục đích tương tác với bạn bè (ĐTB=3.15) với 175 người chọn, ngoài mục đích trên sinh viên còn sử dụng với các mục đích khác như: để lưu lại những trang yêu thích (ĐTB=2.80), đây là mục đích có định hướng đến đối tượng là các “fanpage”, hội nhóm nhằm theo dõi và cập nhật thông tin mà sinh viên quan tâm. Mục đích tiếp theo nữa là thể hiện quan điểm, thái độ của mình (ĐTB= 2.71) đối với những người chia sẻ được đăng lên Facebook, đó có thể là những bài đăng của bạn bè hoặc của bất kỳ đối tượng nào khác tên MXH

Hơn thế nữa MXH còn là địa điểm bán hàng lý tưởng và hiệu quả không chỉ các thương hiệu mà đối với các bạn sinh viên đang kinh doanh buôn bán trên MXH. Để giới thiệu sản phẩm của mình đến với khách hàng, những bạn SV này sử dụng nút “like” làm chiến lược “marketing” cho mình. Vì vậy “like” cho mục đích kinh doanh với (ĐTB=2.78) điều này hoàn toàn phù hợp với mục đích sử dụng MXH của các bạn

Như vậy, đối với sinh viên trường Đại Học Hải Dương, mục đích sử dụng nút “like” của họ rất đa dạng và phong phú, mang tính thực tế và có một định hướng rõ ràng. Trong đó mục đích tương tác với bạn bè chiếm ưu thế hơn các mục đích còn lại. Điều này cho thấy rằng MXH đang làm thay đổi cách thức giao tiếp, tương tác với nhau của giới trẻ và trong nhiều trường hợp không cần sử dụng đến ngôn từ

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên trường Đại học Hải Dương

Bảng 3.12. Nhận thức về mạng xã hội

Nội dung	Mức độ nhận thức				ĐTB	ĐLC
	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý		
MXH là loại hình giải trí hấp dẫn giúp con người giải tỏa căng thẳng sau những giờ làm việc, học tập căng thẳng	130	138	25	7	3,30	0,72
MXH là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian	160	100	35	5	3,38	0,75
MXH là công cụ tuyệt vời để nâng cao, bổ sung kiến thức, kỹ năng	60	100	120	20	2,67	0,87
MXH là một phần tất yếu của cuộc sống hàng ngày	30	90	120	60	2,30	0,90
MXH là kênh quảng cáo, marketing của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	89	171	29	11	3,13	0,72
MXH là một xã hội ảo online, mang nhiều đặc tính tương tự như xã hội thực,	70	80	90	60	2,53	1,06
MXH giúp mọi người giao lưu và chia sẻ thông tin một cách có hiệu quả	90	120	30	60	2,80	1,08
Tổng					2,82	0,98

Nhìn từ kết quả nghiên cứu bảng số liệu 3.12 cho chúng ta thấy. Nhiều sinh viên đã có nhận thức đúng về MXH với tổng (ĐTB=2.82) thể như sau:

Với (ĐTB=3,38) nhiều sinh viên đồng ý “MXH là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian”. Kể từ khi MXH ra đời khoảng cách về không gian địa lý trở lên gần hơn rất nhiều qua chức năng gọi video

Hơn một nửa tổng số sinh viên rất đồng ý cho rằng MXH là một loại hình giải trí hấp dẫn giúp con người giải tỏa căng thẳng với (ĐTB=3.30) hoàn toàn phù hợp với

mục đích ban đầu khi hỏi sinh viên. Sinh viên thời gian nhiều ngoài giờ lên lớp đa phần là thời gian trống các bạn tìm đến MXH với mục đích giải trí.

Như vậy qua đánh giá đa phần sinh viên có nhận thức đúng về MXH biểu hiện qua việc sử dụng các trang MXH phù hợp với quy định của nhà trường và bộ thông tin. Nhiều bạn trẻ đã biết cách sử dụng hiệu quả mang lại niềm vui giải tỏa căng thẳng stress mỗi khi gặp khó khăn trong cuộc sống cũng như trong học tập. Hơn nữa với thời đại 4.0 hiện nay thì MXH còn là kênh thông tin kinh doanh đem lại lợi ích cho nhiều bạn trẻ đặc biệt các bạn sinh viên có nhiều thời gian. Việc nhận thức đúng giúp mỗi sinh viên sử dụng MXH một cách hợp lý

Tuy nhiên cũng có một số bạn nhận thức chưa đúng về MXH nên có những hành vi chưa phù hợp với văn hóa ứng xử trên MXH, nhiều bạn bị nghiện MXH một cách trầm trọng rất nhiều các bạn trẻ bị rối nhiễu tâm lý, dễ gây trầm cảm đối với cá nhân, qua đó sinh viên ngại tiếp xúc với bạn bè trực tiếp mà chỉ muốn giao lưu giao tiếp qua MXH

Với chức năng giải trí cao nên rất nhiều bạn sinh viên cho rằng MXH là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của họ, nếu một ngày họ không vào MXH sẽ cảm thấy rất khó chịu, bứt rứt trong người và kiểu gì họ cũng phải nghĩa vào xem. Đây được xem như hiện tượng nghiện MXH mà báo chí nói rất nhiều về vấn đề này với (ĐTB=2.30) vấn đề đặt ra nếu nghiện MXH có thể dẫn đến bệnh tâm thần như rối loạn cảm xúc sẽ như thế nào. Giả định nếu sinh viên trường ĐH Hải Dương có nhận thức sai về MXH so với mục đích ban đầu của nhà sản xuất, nhà sản xuất ra MXH không sản xuất ra những người rối nhiễu tâm lý mà sản xuất ra MXH để giải trí và liên lạc, có sai là do người sử dụng sai

Bảng 3.13. Thái độ khi sử dụng mạng xã hội

Nội dung	Thái độ				ĐTB	ĐLC
	Rất buồn	Buồn	Bình thường	Không buồn		
Khi tôi đăng hoặc chia sẻ các nội dung lên MXH và không nhận được nhiều “like” hay “comment” của bạn bè	60	90	50	100	2,68	0,92
Đăng các hình ảnh của bản thân lên MXH mà không nhận được “Like” hay “comment” của bạn bè	60	90	75	75	3,16	0,96
Một ngày không vào MXH bạn cảm thấy thế nào?	60	120	100	20	3,20	0,87
Khi vào MXH bạn không “like” hay “comment”	30	120	90	60	3,00	0,89
Tổng					2,82	1,00

Với câu hỏi “*một ngày không vào MXH bạn cảm thấy thế nào?*” với (ĐTB=3.20) đa phần sinh viên cho rằng em cảm thấy buồn và cảm thấy trống trải và làm việc không hiệu quả trong đầu luôn đặt câu hỏi không biết bài đăng của mình có ai “Like” hay “comment” không. Đã có một số bạn thử cai MXH bằng cách xóa cài đặt phần mềm để khó khăn trong việc truy cập, nhiều bạn còn thay điện thoại chuyển sang dùng điện thoại đen trắng nhằm hạn chế tình trạng vào MXH của mình nhưng đều không thành công. Chính vì vậy MXH đã trở thành một phần tất yếu trong cuộc sống của sinh viên. Ng.T.H cho biết “*có hôm điện thoại hỏng, không vào được MXH, em thấy khó chịu và thấy thiếu thiếu gì đó*” nhưng bạn Đoàn. V.H T “*Em thấy bình thường vì em đi làm về mệt là ngủ nên cũng không nghĩ gì đến việc vào mạng.*”

Một số sinh viên khi đăng các hình ảnh của mình lên MXH không nhận được nhiều “ike” hay “comment” của mọi người thì lại cảm thấy buồn. Đây cũng là tâm trạng chung của rất nhiều bạn trẻ đặc biệt là sinh viên trường ĐH Hải Dương với (ĐTB=3,16) nhưng bên cạnh đó cũng còn khá nhiều bạn trẻ cảm thấy bình thường thậm chí không buồn. Bạn V.Anh tâm sự” khi em đăng hình ảnh của em lên MXH

ngày hôm đó tâm trạng em rất lạ, cứ 10 phút em lại truy cập một lần xem có ai “like” hoặc “comment” xem hình ảnh của mình nhận được bao nhiêu “like” hay “comment” và nếu nhận được nhiều “like” “comment” ngày hôm đó em rất phấn chấn ngược lại cảm thấy rất buồn và lần sau sẽ không đăng hình ảnh của bản thân lên MXH nữa”

Như vậy đa phần sinh viên khi không được sử dụng MXH đều cảm thấy buồn và mong muốn được tiếp tục sử dụng MXH

Bảng 3.14. Động cơ thúc đẩy hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên

Nội dung	Động cơ				ĐTB	ĐLC
	Rất mạnh mẽ	Mạnh mẽ	Bình thường	Không mạnh mẽ		
Để khẳng định bản thân	89	171	29	11	2,52	0,84
Để câu “like”, “comment”	160	100	35	5	2,79	0,87
Để giải trí	60	90	75	75	3,52	0,67
Tìm kiếm việc làm	60	100	120	20	2,17	1,07
Mua, bán hàng	30	90	120	60	2,95	0,85
Giao lưu, kết nối bạn bè	130	138	25	7	3,03	0,96
Quảng cáo	70	80	90	60	2,17	0,93
Giảm stress	90	120	30	60	2,42	1,04
Tổng					2,70	1,01

Như chúng ta biết động cơ là cái thúc đẩy hành động. Từ kết quả điều tra cho ta thấy động cơ sử dụng MXH của sinh viên ở mức trung bình với (ĐTB=2.70), có rất nhiều động cơ để sinh viên tham gia sử dụng MXH. Tùy tính cách và mục đích của mỗi sinh viên sẽ lựa chọn cho mình một động cơ phù hợp. Dựa trên kết quả bảng hỏi ta thấy *giao lưu, kết bạn* được SV Trường Đại học Hải Dương lựa chọn nhiều nhất (ĐTB=3.25) với đặc điểm sinh viên trường đa phần ở xa nhà và một số ở ký túc xá ở Liên Hồng, xa khu dân cư đi lại khó khăn vì thế sinh viên thường chỉ ngồi một chỗ cùng với chiếc điện thoại có internet là các bạn có thể trò chuyện với bất cứ người bạn khác, bên cạnh đó, việc trở thành bạn bè của nhau thông qua MXH, khoảng cách giữa

sinh viên và giảng viên trở nên gần gũi hơn, từ đó giảng viên có thể được lắng nghe nhiều hơn về những chia sẻ, tâm tư nguyện vọng từ sinh viên và ngược lại sinh viên có thể được trao đổi, học tập nhiều hơn từ thầy cô. Có thể nói MXH giúp kết nối con người lại gần nhau hơn.

Động cơ tiếp theo được các bạn sinh viên lựa chọn nhiều để “ khẳng định bản thân” cho bằng bạn bằng bè điều này cũng phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi đầu thanh niên luôn muốn thể hiện bản thân trước bạn bè như: Đi đến đâu, làm bất kể chuyện gì đều có “ check in” mục đích câu “like” khẳng định bản thân với bạn bè và những người xung quanh

Sinh viên trường Đại học Hải Dương cho rằng “ tìm kiếm việc làm, quảng cáo” là hai yếu tố có sức ảnh hưởng ít nhất đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên với (ĐTB=2.17) sinh viên công việc chính là học tập và tham gia các phong trào do nhà trường tổ chức, phần lớn các em được bố mẹ trợ cấp tiền ăn, học hàng tháng.

Vì vậy động cơ kiếm việc làm và quảng cáo trên MXH được các em ít quan tâm hơn so với các động cơ khác

Bảng 3.15. Yếu tố có mức độ ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội

Yếu tố	Mức độ ảnh hưởng				ĐTB	ĐLC
	Rất quan trọng	Tương đối quan trọng	Bình thường	Không quan trọng		
Nhận thức của sinh viên về MXH	130	138	25	7	2,85	0,95
Thái độ của sinh viên khi sử dụng MXH	160	100	35	5	2,75	0,92
Động cơ sử dụng MXH của sinh viên	60	100	100	40	2,60	0,95
Đặc điểm tâm lý lứa tuổi sinh viên	98	102	55	45	2,84	1,04
Môi trường xã hội	110	90	75	25	2,95	1,08
Điều kiện sinh hoạt	50	50	130	70	2,27	0,92

Phương tiện kỹ thuật	75	100	100	25	2,75	1,00
Tổng					2,85	0,95

Qua bảng số liệu cho chúng ta thấy rằng: các yếu tố có mức độ ảnh hưởng nhiều ít khác nhau tùy vào sự lựa chọn của mỗi sinh viên khi sử dụng cụ thể như sau:

Có hai yếu tố ảnh hưởng rất rõ đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên Đại học Hải Dương là “Nhận thức của sinh viên về MXH” (ĐTB=2.85) và “ Đặc điểm tâm lý lứa tuổi sinh viên”(ĐTB=2.84) Đây là những yếu tố phản ánh bên trong của hành vi sử dụng MXH. Nhiều bạn cho rằng, một khi sinh viên không nhận thức rõ về về MXH, thì họ sẽ rất khó khăn trong việc sử dụng MXH một cách có hiệu quả. Nhận thức là nền tảng của các hành vi và điều này cũng được các bạn sinh viên nhất trí cao, có nhận thức được vai trò cũng như tác hại của MXH, sinh viên sẽ biết cách sử dụng sao cho hiệu quả.

Đặc điểm tâm lý lứa tuổi sinh viên (ĐTB=2.84) đây cũng là yếu tố ảnh hưởng nhiều đến hành vi sử dụng tMXH của sinh viên Đại học Hải Dương. Như chúng ta biết sinh viên là lứa tuổi có nhu cầu cao về tình cảm bạn bè, tình cảm nam nữ lẫn tình cảm thắm mĩ vì vậy mà nhu cầu trao đổi thông tin và liên lạc bằng điện thoại di động là điều cần thiết ở lứa tuổi này. Điều đó lý giải tại sao ở độ tuổi này sinh viên có phong cách, cách nghĩ riêng và MXH là nơi thể hiện phong cách cũng như khẳng định bản thân Chính điều này đã chi phối và là động lực thúc đẩy hành vi sử dụng MXH ngày càng nhiều

Trong các yếu tố chủ quan, có yếu tố “ động cơ sử dụng MXH” có điểm trung bình (ĐTB=2.60) thấp hơn nhưng cũng được đánh giá có ảnh hưởng quan trọng và rõ rệt đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên,

Như vậy có thể khẳng định rằng, các yếu tố chủ quan có liên quan đến nhận thức và thái độ của sinh viên về sử dụng MXH. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành thói quen sử dụng MXH của sinh viên

Yếu tố khách quan ảnh hưởng rõ nhất đến việc sử dụng MXH của sinh viên Đại học Hải Dương là “môi trường sống của sinh viên” Yếu tố này rất ảnh hưởng đến hành vi

sử dụng MXH của sinh viên với (ĐTB=2.95) cao nhất trong các yếu tố bởi như chúng ta biết sinh viên đa phần sống xa gia đình thường ở trọ hoặc ở trong ký túc xá, ngoài giờ lên lớp các em có nhiều thời gian rảnh, ở trường lại ít các hoạt động cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại vì vậy thời gian nhiều các em không biết làm gì, MXH là phương tiện duy nhất các e có thể tham gia. Đây cũng là lý do mà sinh viên sử dụng MXH nhiều từ 4-5h/ngày. Khi được hỏi về vấn đề này sinh viên Cao. M. T năm thứ 1. Ngành Kế toán chia sẻ “ *em không đi làm thêm, ngoài giờ lên lớp buổi sáng còn lại em ở nhà, ở trường ít các hoạt động ngoại khóa, nên em vào MXH cho đỡ buồn*”

Phương tiện kỹ thuật: đây cũng là yếu tố ảnh hưởng nhiều đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên với (ĐTB= 2.75). Theo giám đốc đối tác chiến lược keenhbangs hàng Việt Nam “Hiện nay Việt Nam là quốc gia đứng đầu về điện thoại di động và đến năm 20120 cứ 10 người Việt sẽ có 8 người dùng điện thoại di động công nghệ cao” [27] với tốc độ phát triển nhanh như vậy đây cũng là điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng MXH ở trong mọi hoàn cảnh

Như vậy qua bảng hỏi chúng ta thấy mỗi yếu tố có mức độ ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên.khác nhau. Nhưng theo sinh viên trường Đại học Hải Dương các yếu tố chủ quan như nhận thức của sinh viên về MXH, thái độ và đặc điểm tâm lý lứa tuổi của sinh viên có mức độ ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên nhiều hơn các yếu tố khách quan như phương tiện kỹ thuật và môi trường sống của sinh viên

Tiểu kết chương

Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy, hầu hết sinh viên trường Đại học Hải Dương đều có hành vi sử dụng MXH ở mức độ cao, được biểu hiện qua các mức độ khác nhau về mặt thời gian tần suất sử dụng MXH nhiều trong ngày đã chiếm hầu hết thời gian trong ngày của sinh viên không còn thời gian dành cho việc khác, có nhiều nội dung đăng tải cũng như nội dung chia sẻ của sinh viên lên các trang MXH đều với mục đích thể hiện bản thân và câu “like”

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên Đại học Hải Dương, trong đó yếu tố chủ quan ảnh hưởng rõ nhất là “ nhận thức, thái độ và đặc

điểm tâm lý lứa tuổi của sinh viên”, yếu tố khách quan ảnh hưởng rõ nhất là “ môi trường sống, điều kiện vật chất”. Ngược lại yếu tố được sinh viên lựa chọn ảnh hưởng ít nhất đó là “động cơ sử dụng MXH” và “điều kiện sinh hoạt của sinh viên” Trong đó các yếu tố chủ quan tác động nhiều đến hành vi sử dụng MXH của sinh viên hơn

Giữa các yếu tố ảnh hưởng và hành vi sử dụng MXH có giá trị về mặt thống kê và có mối tương quan mật thiết với nhau

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ việc nghiên cứu hành vi sử dụng MXH của sinh viên Trường Đại học Hải Dương kết quả thu được, có thể rút ra một số kết luận sau:

Có thể thấy, MXH đóng vai trò quan trọng trong đời sống và ảnh hưởng nhiều đến quá trình học tập cũng đời sống tâm lý của sinh viên trường Đại học Hải Dương. Đặc biệt trong giai đoạn toàn cầu hoá - hiện đại hoá, sự có mặt của mạng xã hội đã giúp cho việc học tập đạt hiệu quả và chính nó cũng đang dần trở thành người bạn thân thiết của sinh viên. Vì vậy, phần lớn nhóm sinh viên tham gia ngẫu nhiên trong nghiên cứu đều sử dụng mạng xã hội và cho rằng, mạng xã hội đóng một vai trò quan trọng trong cuộc sống của họ. Qua nghiên cứu các trang mạng xã hội mà sinh viên thường xuyên sử dụng nhiều là Facebook, Zalo. Zing me....

Hành vi là sự ứng xử của chủ thể đối với môi trường, đối bản thân họ và đối với người khác do ý thức định hướng, điều khiển, điều chỉnh

Hành vi sử dụng MXH của sinh viên là những ứng xử của chủ thể đối với môi trường, thông qua những hành vi để có ứng xử phù hợp với chuẩn mực mà bộ thông tin đã quy định đối với người sử dụng mạng xã hội. Hành vi sử dụng MXH của sinh viên là cách ứng xử của con người với những phương tiện nhằm đạt được mục đích của chỉ thể và con người và hành vi này phải được thể hiện qua bên ngoài của cá nhân

Hành vi sử dụng MXH được biểu hiện qua qua các hành động bên ngoài như: (thời gian, tần suất sử dụng, nội dung đăng tải, nội dung chia sẻ và hành động ấn nút “like”) trên MXH. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên trường Đại học Hải Dương chưa biết cách sắp xếp thời gian để vào mạng một cách hợp lý, nhiều bạn sử dụng MXH quá nhiều trong ngày từ 4-5 giờ, chiếm khá nhiều thời gian của sinh viên trong một ngày. Những hình ảnh liên quan đến cá nhân thường là nội dung đăng tải cũng như chia sẻ nội dung trên các trang MXH và khi nội dung ấy không nhận được nhiều “Like” hay “comment” của mọi người sinh viên cảm thấy buồn. Như vậy bên cạnh việc MXH giúp sinh viên giao lưu, kết nối bạn bè trong học tập cũng như cuộc sống thì MXH lại có ảnh hưởng tiêu cực đến cảm xúc tâm trạng của mỗi sinh viên

Hành vi sử dụng MXH của sinh viên Đại học Hải Dương chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố, trong đó các yếu tố chủ quan như “nhận thức, thái độ và đặc điểm tâm lý lứa tuổi” đóng vai trò quyết định và các yếu tố khách quan như “môi trường sống, phương tiện kỹ thuật” đóng vai trò quan trọng. Như chúng ta biết sự hình thành và thực hiện hành vi sử dụng MXH là một quá trình lâu dài và phức tạp, chịu sự chi phối bởi các yếu tố như đặc điểm lứa tuổi, phương tiện kỹ thuật cũng như môi trường sống của sinh viên

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sinh viên Đại học Hải Dương cũng đã nhận thức được khái niệm MXH, vai trò của MXH thể hiện qua việc chia sẻ những nội dung tốt được cộng đồng đánh giá cao. Tuy nhiên trong quá trình điều tra vẫn còn một số sinh viên chưa nhận thức rõ về MXH nên dẫn đến có những hành vi lệch lạc không phù hợp

2. Kiến nghị

2.1. Đối với nhà trường

Nhà trường cần tổ chức nhiều các hoạt động lành mạnh phong phú như mở các lớp ngoại khóa, các câu lạc bộ, các hoạt động cộng đồng, các hội thảo, chương trình thể thao, văn nghệ, các cuộc giao lưu giữa các khoa, ngành trong trường, tổ chức các cuộc thi để sinh viên có những sân chơi. Giúp cho họ có cơ hội học tập, thể hiện bản thân, giao tiếp mở rộng mối quan hệ thực với bạn bè thầy cô...thu hút sự chú ý của sinh viên nhằm giảm bớt tình trạng sinh viên không có sân chơi nên tiêu tốn thời gian vào những trò giải trí vô bổ trên mạng ảnh hưởng đến sức khỏe và học tập.

Nhà trường thay vì cấm không cho sinh viên sử dụng MXH, hãy tạo điều kiện cho sinh viên bằng cách kết nối internet miễn phí nhằm hạn chế đến mức tối đa việc sinh viên lang thang các quán cafe đang mọc lên rất nhiều, đồng thời thường xuyên nhắc nhở, giáo dục ý thức sử dụng MXH của sinh viên để ngăn chặn những hành vi xấu từ MXH. Đặc biệt các thầy cô trong các giờ học cần cung cấp hướng dẫn cho các em kỹ năng sử dụng MXH như kỹ năng truy cập thông tin, tài liệu, kỹ năng tìm kiếm các thông tin liên quan đến học tập sao cho có hiệu quả

Các Hội sinh viên phối hợp Đoàn thanh niên, thầy cô chủ nhiệm lớp tổ chức những buổi nói chuyện theo chuyên đề để các em có cơ hội tham gia, đồng thời giáo

viên trong quá trình giảng dạy lồng ghép vào những tiết học những kiến thức về internet nói chung và MXH nói riêng qua các học phần trên lớp đặc biệt học phần Kỹ năng giao tiếp. Có những buổi giao chia sẻ hướng dẫn sinh viên tham gia sử dụng các trang MXH phù hợp với chuẩn mực và giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam. Tạo điều kiện, cơ hội cho sinh viên đặc biệt là sinh viên năm thứ nhất có những hiểu biết, thấy được những mặt tốt, mặt xấu của MXH từ đó sử dụng MXH cho có hiệu quả

Mạng xã hội ra từ năm 2009 trở lại đây nhưng đã nhận được rất nhiều sự ủng hộ của người chơi đặc biệt đối với sinh viên đây là sân chơi mới, mở ra cho sinh viên một thế giới mới lạ nhất là trong thời kỳ hội nhập như hiện nay. Mặt khác, nó cũng như bất cứ một hiện tượng nào khác cũng có những mặt trái ảnh hưởng không tốt đến sinh viên. Vì vậy mà cần phải tuyên truyền định hướng cho sinh viên biết cách khai thác những điều bổ ích mà MXH có thể mang lại, khuyến khích sinh viên sử dụng mạng xã hội đúng với mục đích học tập của mình. Trong vấn đề này, vai trò của nhà trường rất quan trọng trong việc hướng dẫn, tạo cơ hội cho sinh viên được làm quen và sử dụng mạng xã hội đem lại hiệu quả cao nhất cho học tập và cuộc sống.

2.2. Đối với gia đình

Gia đình là môi trường giáo dục quan trọng trong việc định hướng, phát triển cũng như hình thành nhân cách của giới trẻ. Để giúp sinh viên sử dụng MXH có hiệu quả cần có sự vào cuộc một cách tích cực của gia đình.

Cha mẹ không nên có hành vi ngăn cấm sinh viên tham gia vào các trang MXH bởi càng cấm thì càng gây sự tò mò đối với con trẻ. Vì vậy mà nên định hướng và cùng tham gia với con mình, định hướng và kiểm soát những nội dung độc hại trên MXH. Đồng thời cần chọn lọc kênh thông tin lành mạnh, bổ ích để hướng dẫn cho con em mình nên học và chơi gì, giải thích rõ tại sao không nên và dẫn chứng những tác hại của các loại thông tin xấu, giải thích cặn kẽ để con hiểu

Các bậc cha mẹ cần có sự quan tâm theo dõi, kiểm soát về thời gian như cho con mình chơi vào một giờ cố định, các trang mạng mà giới trẻ thường xuyên sử dụng, để nâng cao cảnh giác cho các bạn khi sử dụng MXH. Bên cạnh đó bố mẹ cần tạo cho con mình những sân chơi thật để các em khẳng định bản thân như: đăng ký các lớp học

ngoại khóa cho con mình tham gia, cùng gia đình tập luyện thể dục thể thao, tạo cho con mình những thú vui khác. Theo tác giả Phạm Thị Mai Hương: “Cần có một thái độ đúng mực, kèm theo sự hiểu biết nhất định về thế giới công nghệ sẽ giúp các cha mẹ và các nhà giáo dục hành xử hợp lý hơn trong việc giúp giới trẻ trở nên điều độ với việc sử dụng mạng xã hội trong thế giới công nghệ hiện nay”.

2.3. Đối với nhà quản lý mạng

Quản lý chặt chẽ và thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trong việc kiểm soát các trang web trên mạng, kịp thời ngăn chặn những trang web không lành mạnh, có những nội dung chuyển tải không tốt, phản động làm ảnh hưởng tới văn hóa và thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

Mặt khác, sinh viên hiện nay có nhu cầu rất cao trong vấn đề tìm kiếm việc làm trên mạng, cần có những trang mạng cung cấp những thông tin tuyển dụng chính xác tạo sự tin tưởng cho sinh viên và giúp họ tự tin đăng tuyển để có được công việc phù hợp, thuận lợi.

Cần có sự vào cuộc của pháp luật, xử lý nghiêm các trường hợp tuyên truyền phản động, những hình thức phát tán và cổ vũ bạo lực trong giới sinh viên.

2.4. Đối với bản thân sinh viên

Cần nhận thức rõ ràng những lợi ích cũng như tác hại của MXH, để từ đó lựa chọn cho mình những trang mạng, cũng như thời gian sử dụng hợp lý

Bản thân mỗi sinh viên nên tham gia nhiều các hoạt động ngoại khóa do trường khoa tổ chức, cùng tụ tập bạn bè nấu ăn, đi du lịch cùng tập thể lớp và bạn bè

Bên cạnh việc nâng cao ý thức của sinh viên trong vấn đề sử dụng MXH thông qua tuyên truyền giáo dục từ phía gia đình, nhà trường và xã hội, thì mỗi sinh viên cần phải tự ý thức trong việc sử dụng mạng xã hội sao cho có hiệu quả nhất trong việc học tập.

Sinh viên cần nâng cao ý thức khi tham gia MXH để có được hiệu quả nhất trong học tập cũng như giải trí, cần thận trọng với những phát ngôn của bản thân khi đăng tải hay chia sẻ các nội dung lên MXH, tránh làm tổn thương đến người khác đồng thời không để người khác đánh giá sai về mình

Biết quản lý thời gian một cách phù hợp để truy cập vào các trang mạng sao cho có hiệu quả, tránh lãng phí thời gian gây ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc và học tập

Bên cạnh đó sinh viên phải thường xuyên tham gia những chương trình, hoạt động ngoại khóa, các hội, đoàn, công tác xã hội như tình nguyện do trong và ngoài trường tổ chức.

Để giúp sinh viên sử dụng MXH một cách hợp lý hơn, theo Phó Giáo sư, Tiến sỹ Phan Thị Mai Hương thì người dùng trước tiên cần nhận thức được MXH, biết được các tác động tích cực, tiêu cực của MXH, và cần có thái độ đúng đắn đối với các trang MXH này. Mọi chuyện xấu đều đến từ sự "quá liều", sự thiếu kiểm soát trong sử dụng Facebook. Điều độ và cân bằng khi sử dụng Facebook là lời khuyên dành cho người dùng nó để tránh những tác động tiêu cực từ mạng xã hội này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Đào Lê Hòa An (2013), “Nghiên cứu về hành vi sử dụng Facebook của con người- một thách thức cho tâm lý học hiện đại”, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc (2007), *Hoạt động Giao tiếp Nhân cách*, NXB Đại Học Sư Phạm Tp.Hồ Chí Minh.
3. H.Kent Baker and Jonh R.Nofsinger (2012), *Tài chính hành vi*, NXB Kinh tế TP. HCM
4. Lê Minh Công (2011). *Tác động của Internet đến nhận thức và hành vi giới tính, tình dục ở thanh thiếu niên*, Luận văn thạc sĩ ngành Tâm lý học
5. Chính phủ (2013), Nghị định số 72/2013/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet
6. Vũ Dũng (2008), *Từ điển tâm lý học*, Viện khoa học xã hội Việt Nam, Viện Tâm lý học, NXB từ điển bách khoa Tr259
7. Trần Thị Minh Đức(2014), *Sử dụng mạng xã hội trong sinh viên Việt Nam*, Tạp chí khoa học Việt Nam
8. Bùi Hương Giang, Ngô Minh Hường (2008), *Tìm hiểu ngôn ngữ trên mạng xã hội Facebook*, QH-2008-X-NN, Đại học khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội.
9. Phạm Minh Hạc (1989) *Hành vi và hoạt động*, NXB Giáo dục
10. Phạm Minh Hạc (chủ biên) Thái Duy Tuyên (20012) *Định hướng giá trị con người Việt Nam -Thời kì đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị Quốc gia
11. Phạm Minh Hạc (2003), biên dịch và giới thiệu *Một số công trình Tâm lý học của A.N.Leonchiev*, NXB Giáo dục
12. Bùi Thị Hân (2013), *Nhận thức và thái độ của học sinh trường Trung cấp Đông Dương về mạng xã hội*, Luận văn thạc sĩ, ĐH Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Nguyễn Thị Hậu (2013), *Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh*, Viện nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, NXB Văn Hóa.

14. Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Lan Nguyễn (2016), “ Tác động của mạng xã hội Facebook đối với sinh viên hiện nay”, tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội
15. Bùi Thu Hoài (2014) *Tác động của mạng xã hội đến giới trẻ*, Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học KHXHNV
16. Bach Huyết (2008), *Định nghĩa Hành Vi*, NXB Hà Nội
17. Uyên Huỳnh (2013), *Có quá nhiều bạn trên Facebook, bao nhiêu là đủ*, NXB Hà Nội
18. B.R.Hergenhahn(2003), *Nhập môn lịch sử Tâm lý học*, NXB Thống kê
19. A.N. Leonchiev (1987), *Hoạt động – ý thức- nhân cách*”, NXB Giáo dục
20. Đỗ Long (2007) *Những nghiên cứu Tâm lý học*, NXB Chính trị Quốc gia
21. Lê Tuyết Mai (2016), *Báo cáo chuyên đề các cách phân loại hành vi của con người*, Trường Đại học Hồng Đức
22. Lưu Bá Lộc(2013), *Tác động của mạng xã hội với sinh viên Đại học Văn Lang*, Khóa luận tốt nghiệp
23. Đặng Thị Nga (2013), *nhu cầu sử dụng mạng xã hội của sinh viên cao đẳng sư phạm Thái Bình*, luận văn thạc sỹ, Cao đẳng SP Thái Bình
24. Nguyễn Thị Hồng Nga (2010), *Hành vi con người và môi trường*, NXB Lao động- Xã hội, Hà Nội Tr 19
25. Đặng Thanh Nga (2006), Từ khái niệm hành vi đến khái niệm hành vi phạm tội, Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 6, tr 75-77
26. Hoàng Phê (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, tr 860
27. Lê Thị Linh Trang (2013), *Nghiên cứu hành vi văn minh đô thị của thanh niên Thành phố Hồ Chí Minh*, luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội
28. Nguyễn Thị Tứ (2012), *Giáo trình Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm Tp. HCM.
29. Nguyễn Ánh Tuyết (2008), *Giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ*, Tạp chí Giáo dục mầm non tháng, số 2
30. Nguyễn Quan Uẩn (2013). *Giáo trình tâm lý học đại cương*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội

Tài liệu Tiếng Anh

31. BahireEfe ÖZAD (2012), Tertiary students' attitudes towards using SNS, Turkey.
32. Cambridge University (2012), *Facilitating social behavior for young people*, Department of Education
33. Freedenthal. S (2006), *Suicidal Behavior in Urban American Indian*", Ht. press USA
34. Locher and Hey (1997), *The development of aggressive behavior in young people*, Western Pshychitric Insitute
35. Ralph S. Marston (2004), Jr., *Civilized behavior*, Daily Motivator USA
36. Perugini, M, & Bagozzi (2001), R. P. *The role of desires and anticipated emotions in goal - directed behaviors: Broadening and deepening the theory of planned behavior*, British Journal of Social Psychology
37. Adrian D. Pearson (2010), *Media influence on deviant behavior in middle school*, North Carolina University
38. Michael Rulter (1998), *What do we mean by "Antisocial behavior" and "Young people"*, Cambridge University Press
- 39 .Vaibhav Sarangale; Shishira Hegde, Research to enhance experience of Indian Social Networking Site, IES Management College and Research Center, Mumbai.
40. Spiros Tzelepis (1997), *According to youth Risk behavior servey*, Assosiate of Psychology, USA
- 41 .Vaibhav Sarangale; Shishira Hegde, Research to enhance experience of Indian Social Networking Site, IES Management College and Research Center, Mumbai.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN

Chào các bạn

Tôi đang tiến hành nghiên cứu về “hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên” phục vụ cho luận văn tốt nghiệp. Xin bạn đánh dấu vào những phương án trả lời phù hợp nhất với bạn tại các câu hỏi sau đây

Mọi thông tin của bạn đều được bảo mật và không sử dụng vào bất cứ mục đích nào khác ngoài mục đích nghiên cứu khoa học.

Xin trân trọng cảm ơn.

Phần A: Vui lòng cho biết một số thông tin của bạn

1. Năm sinh
2. Giới tính: . Nam . Nữ
3. Tình trạng việc làm: . Đang đi làm thêm, không đi làm
6. Điểm truy cập mạng xã hội (có thể chọn nhiều lựa chọn)
Ở nhà . Ở trường . Ở nơi công cộng
7. Trình trạng nhà ở:
Ở trọ Ở ký túc xá, Ở nhà bố mẹ Ở nhà người quen . Khác

Phần B: NỘI DUNG HỎI

Phần 1

Câu 1: Bạn sử dụng mạng xã hội để làm gì ? (có thể chọn nhiều lựa chọn)

1. Kết nối và giữ liên lạc bạn bè
2. Chơi game
3. Cập nhật các tin tức mới
4. Chia sẻ những sở thích của mình
5. Tham gia các nhóm trên mạng xã hội
6. Quảng cáo kinh doanh
7. Chat với bạn bè
8. Khác

Câu 2: Bạn thường sử dụng mạng xã hội nào?

Mạng xã hội	Mức độ			
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ
Facebook				
Zing me				
Zalo				
Youtube				
Myspace				
Twitter				
Tamtay.vn				
Mạng khác				

Câu 3: Bạn biết đến các trang mạng xã hội từ đâu

Trên Internet

Quảng cáo

Bạn bè giới thiệu

Sách báo

Nguồn khác

Câu 4: Bạn thường truy cập các trang mạng xã hội bằng thiết bị nào?

Thiết bị	Mức độ			
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ
Máy tính để bàn				
Điện thoại				
Laptop				
Máy tính bảng				
Thiết bị khác				

Câu 5: Một ngày bình thường (không phải ngày nghỉ) bạn dành bao nhiêu thời gian để online mạng xã hội

4 - 5 h/ngày

Dưới 1h/ngày

2 – 3h/ngày

Dưới 30 phút

1 – 2h/ngày

Câu 6: Ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày rảnh rỗi, bạn thường dành bao nhiêu thời gian để online mạng xã hội

Dành hoàn toàn cho mạng xã hội

Khoảng 1-2h

Dưới 4 giờ

Trên 5 giờ

Tôi dành hoàn toàn thời gian để nghỉ ngơi nên không vào mạng xã hội

Câu 7: Bạn đăng nhập mạng xã hội bao nhiêu lần trong một tuần

Tôi luôn sắp xếp việc học để có thể online mỗi ngày

Mỗi tuần 1-2 lần

Bất cứ khi nào rảnh tôi đều tranh thủ online

Mỗi tuần từ 3-4 lần

Khác

Phần 2

Câu 8: Thời gian sử dụng mạng xã hội của bạn?

Nội dung	Mức độ			
	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Chưa bao giờ
Trong giờ học				
Nghỉ giải lao giữa các tiết				
Trên xe (xe máy, xe buýt)				
Khi đang ăn				
Khi ở trong toilet				
Trên giường trước khi đi ngủ				

trên giường vừa thức dậy				
Khi đi gặp gỡ bạn bè				
Khi đang chờ một việc/một người nào đó				
Khi đang làm việc				
Khi đang làm một hoạt động giải trí khác (vui chơi, xem phim, cà phê..)				

Câu 9: Bạn thường chia sẻ những nội dung nào khi sử dụng mạng xã hội ?

Nội dung chia sẻ	Mức độ			
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ
Chia sẻ mọi điều trong cuộc sống của mình lên MXH				
Chia sẻ những điều hay, hữu ích lên MXH				
Chia sẻ những việc xấu, cảnh báo để mọi người biết và cảnh giác				
Chia sẻ những bộ phim hay, video hài hước				
Chia sẻ những bài xã luận, câu châm ngôn hay				
Chia sẻ những kiến thức liên quan đến chuyên ngành học				
Chia sẻ công tác xã hội, tình nguyện				
Tôi thường vào các trang nổi				

tiếng của người thân tượng trưng cập tin tức và chia sẻ lên trang cá nhân				
Chia sẻ “live stream” vào các hội nhóm và trang cá nhân				
Nội dung khác				

Câu 10: Khi sử dụng mạng xã hội những nội dung, hình ảnh nào bạn thường đăng tải

Nội dung đăng tải	Mức độ			
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ
Đăng tải những hình ảnh diễn ra trong cuộc sống của mình lên MXH				
Đăng tải những món ăn ngon tự nấu, chuyến du lịch của bản thân				
Tự chụp ảnh “tự sướng” sau đó chỉnh sửa và đăng tải				
Viết status đăng tải trạng thái cảm xúc của mình				
Quay nhật ký bằng video đăng tải lên để chia sẻ với bạn bè				
Đăng tải những bài viết, video liên quan đến việc học tập				
Đăng lên trang cá nhân và các nhóm (group) để kinh				

doanh, bán hàng online				
Đăng tải cách học tiếng anh				
Đăng một bài nhạc, một bộ phim trên trang cá nhân				
Đăng tải những bức ảnh “sexy” nhằm câu like				
Đăng tải những nội dung làm ảnh hưởng đời sống mọi người				
Đăng bài nhằm kêu gọi ủng hộ những người có hoàn cảnh khó khăn				
Đăng những tấm gương tốt, việc tốt				
Nội dung khác				

Câu 11: Trong quá trình sử dụng mạng xã hội bạn thường “like” trang có nội dung

Nội dung	Mức độ			
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ
“Like” ảnh				
“Like” “Status”				
“Like” các “Fan page” yêu thích				
“Like” các “comment” của người khác				
“Like” video				
Khác				

Câu 12: Bạn sử dụng nút “ like” nhằm mục đích

Động cơ thực hiện	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
Để lưu lại trang yêu thích				
Thể hiện quan điểm, thái độ				
Kinh doanh				
Tương tác với bạn bè				
Khác				

Phần 3

Câu 13: Theo bạn MXH là gì

Nội dung	Mức độ nhận thức			
	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý
MXH là một loại hình giải trí hấp dẫn giúp con người giải tỏa căng thẳng				
MXH là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian				
MXH là nơi kết nối bạn với những người cùng sở thích				
MXH là công cụ tuyệt vời để nâng cao, bổ sung kiến thức, kỹ năng				
MXH là một phần tất yếu của cuộc sống hàng ngày				
MXH là kênh quảng cáo, marketing của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân				
MXH là một xã hội ảo online, và mang nhiều đặc tính tương tự như xã hội thực.				
MXH giúp mọi người giao lưu và chia sẻ thông tin một cách có hiệu quả				

Câu 14: Thái độ của bạn khi sử dụng mạng xã hội

Hành vi	Thái độ			
	Rất buồn	Buồn	Bình thường	Không buồn
Khi tôi chia sẻ các nội dung lên MXH và không nhận được nhiều “like” hay “comment” của bạn bè				
Khi đăng các bài xã luận lên MXH và không nhận được “like” hay “comment” của bạn bè				
Đăng các hình ảnh của bản thân lên MXH mà không nhận được “Like” hay “comment” của bạn bè				
Một ngày không vào MXH bạn cảm thấy thế nào?				
Khi vào MXH bạn không “like” hay “comment”				

Câu 15: Động cơ thúc đẩy hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên

Nội dung	Động cơ			
	Rất mạnh mẽ	Mạnh mẽ	Bình thường	Không mạnh mẽ
Để khẳng định bản thân				
Để câu “like”, “comment”				
Để giải trí				
Tìm kiếm việc làm				

Mua, bán hàng				
Giao lưu, kết bạn				
Quảng cáo				
Giảm tress				
Khác				

Câu 16: Theo bạn những yếu tố sau đây có mức độ ảnh hưởng như thế nào đến hành vi sử dụng mạng xã hội

Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ ảnh hưởng			
	Rất quan trọng	Tương đối quan trọng	Bình thường	Không quan trọng
Nhận thức của sinh viên về MXH				
Thái độ của sinh viên khi sử dụng MXH				
Động cơ sử dụng MXH của sinh viên				
Đặc điểm tâm lý lứa tuổi sinh viên				
Môi trường sống				
Điều kiện sinh hoạt				
Phương tiện kỹ thuật				

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ SỐ LIỆU SAU KHI CHẠY PHẦN MỀM SPSS

PHẦN I

Bảng 1. Mục đích sử dụng mạng xã hội

Stt	Mục đích	N	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
1	Kết nối và giữ liên lạc bạn bè	202	67,3	1
2	Chơi game	5	1,7	7
3	Cập nhật các tin tức mới	15	5,0	4
4	Chia sẻ những sở thích của mình	10	3,3	6
5	Tham gia các nhóm trên mạng xã hội	14	4,7	5
6	Quảng cáo kinh doanh	29	9,7	2
7	Chat với bạn bè	25	8,3	3
8	Khác	0	0,0	8

Bảng 2. Mức độ sử dụng các loại mạng xã hội

Mạng xã hội	Mức độ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ			
Facebook	245	45	8	2	3.78	0.52	7
Zing me	35	120	138	7	2.61	0.72	6
Zalo	96	125	59	20	2.99	0.89	2
Youtube	75	125	70	30	2.82	0.92	1
Myspace	15	50	135	100	1.93	0.83	4
Twitter	10	70	116	104	1.95	0.84	3
Instagram	9	31	130	130	1.73	0.76	5
Mạng khác	0	0	0	0	0.00	0.00	8
Tổng					2.23	1.29	

Stt	Mạng xã hội	Mức độ							
		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Chưa bao giờ	
		N	%	N	%	N	%	N	%
1	Facebook	245	81,7	46	15,3	7	2,3	2	0,7
2	Zing me	35	11,7	120	40,0	138	46,0	7	2,3
3	Zalo	96	32,0	125	41,7	59	19,7	20	6,7
4	Youtube	75	25,0	125	41,7	70	23,3	30	10,0
5	Myspace	15	5,0	50	16,7	135	45,0	100	33,3
6	Twitter	10	3,3	70	23,3	116	38,7	104	34,7
7	Instagram	9	3,0	31	10,3	130	43,3	130	43,3
8	Mạng khác	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

Bảng 3. Nguồn biết tới mạng xã hội

Stt	Nguồn	N	%	Xếp hạng
1	Trên Internet	92	30,7	2
2	Quảng cáo	50	16,7	3
3	Bạn bè giới thiệu	127	42,3	1
4	Sách báo	30	10,0	4
5	Nguồn khác	1	0,3	5

Bảng 4. Thiết bị vào mạng xã hội

Thiết bị	Mức độ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ			
Máy tính để bàn	33	46	173	48	2.21	0.84	3
Điện thoại	200	60	30	10	3.50	0.81	4
Laptop	155	85	45	15	3.27	0.89	2
Máy tính bảng	80	85	100	35	2.70	0.99	1
Thiết bị khác	0	0	0	0	0.00	0.00	5
Tổng					1.71	1.45	

Thiết bị	Mức độ							
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Chưa bao giờ	
	N	%	N	%	N	%	N	%
Máy tính để bàn	33	11,0	46	15,3	173	57,7	48	16,0
Điện thoại	200	66,7	60	20,0	30	10,0	10	3,3
Laptop	155	51,7	85	28,3	45	15,0	15	5,0
Máy tính bảng	80	26,7	85	28,3	100	33,3	35	11,7
Thiết bị khác	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

Bảng 5. Thời gian dành cho mạng xã hội

Ngày bình thường				Ngày nghỉ cuối tuần hoặc rảnh rỗi			
Khoảng thời gian	N	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng	Khoảng thời gian	N	Tỷ lệ (%)	Xếp hạng
4 - 5 h/ngày	120	40,0	1	Dành hoàn toàn cho MXH	20	6,7	5
2 – 3h/ngày	100	33,3	2	Trên 5 giờ	100	33,3	1
1 – 2h/ngày	50	16,7	3	Dưới 4 giờ	70	23,3	2
Dưới 1h/ngày	30	10,0	4	Khoảng 1-2h	50	16,7	4
Dưới 30 phút	0	-	5	Không vào MXH	60	20,0	3

Bảng 6. Khoảng thời gian để vào mạng xã hội trong ngày

Khoảng thời gian	Các mức độ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ			
20 giờ - 24 giờ	50	75	85	90	2.28	1.07	2
18 giờ - 20 giờ	90	100	100	10	2.90	0.87	5
14 giờ - 18 giờ	90	75	85	50	2.68	1.07	1
11 giờ - 14 giờ	75	95	100	30	2.72	0.95	4
7 giờ - 11 giờ	50	120	80	50	2.57	0.96	3
0 giờ - 7 giờ	2	50	100	148	1.69	0.77	6
Tổng					2.47	1.03	

Khoảng thời gian	Mức độ							
	Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Chưa bao giờ	
	N	%	N	%	N	%	N	%
20 giờ - 24 giờ	50	16,7	75	25,0	85	28,3	90	30,0
18 giờ - 20 giờ	90	30,0	100	33,3	100	33,3	10	3,3
14 giờ - 18 giờ	90	30,0	75	25,0	85	28,3	50	16,7
11 giờ - 14 giờ	75	25,0	95	31,7	100	33,3	30	10,0
7 giờ - 11 giờ	50	16,7	120	40,0	80	26,7	50	16,7
0 giờ - 7 giờ	2	0,7	50	16,7	100	33,3	148	49,3

Bảng 7. Mức độ sử dụng mạng xã hội trong một tuần

Stt	Nguồn	N	%	Xếp hạng
1	Tôi luôn sắp xếp việc học để có thể online mỗi ngày	80	26,7	2
2	Mỗi tuần 1-2 lần	20	6,7	4
3	Bất cứ khi nào rảnh tôi đều tranh thủ online	170	56,7	1
4	Mỗi tuần từ 3-4 lần	30	10,0	3
5	Khác	0	0,0	5

Bảng 8. Thời gian sử dụng mạng xã hội xét theo hoàn cảnh

Nội dung	Mức độ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Chưa bao giờ			
Trong giờ học	50	110	100	40	2.57	0.92	5
Nghỉ giải lao giữa các tiết	50	90	130	30	2.53	0.88	7
Trên xe (xe máy, xe buýt)	130	90	30	50	3.00	1.10	3
Khi đang ăn	125	121	30	24	3.16	0.90	6

Khi ở trong toilet	40	25	5	230	1.58	1.10	2
Trên giường trước khi đi ngủ	18	70	210	2	2.35	0.60	11
Trên giường vừa thức dậy	60	80	120	40	2.53	0.96	4
Khi đi gặp gỡ bạn bè	50	125	150	25	2.75	0.72	10
Khi đang chờ một việc/một người nào đó	40	115	140	5	2.63	0.73	9
Khi đang làm việc	80	50	50	120	2.30	1.24	1
Khi đang làm một hoạt động giải trí khác (vui chơi, xem phim, cà phê..)	50	125	100	25	2.67	0.85	8
Tổng					2.55	1.01	

Bảng 9. Những nội dung được chia sẻ trên mạng xã hội

Nội dung chia sẻ	Mức độ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ			
Chia sẻ mọi điều trong cuộc sống của mình lên MXH	180	100	20	0	3.53	0.62	8
Chia sẻ những điều hay, hữu ích lên MXH	256	42	2	0	3.85	0.38	9
Chia sẻ những việc xấu, cảnh báo để mọi người biết và cảnh giác	170	100	20	10	3.43	0.76	6
Chia sẻ những bộ phim hay, video hài hước	200	70	20	10	3.53	0.76	5
Chia sẻ những bài xã luận, câu châm ngôn hay	170	100	20	10	3.43	0.76	6
Chia sẻ những kiến thức liên quan đến chuyên ngành học	60	98	140	2	2.72	0.78	4
Chia sẻ công tác xã hội, tình nguyện	90	70	90	50	2.67	1.07	1

Tôi thường vào các trang nổi tiếng của người thần tượng truy cập tin tức và chia sẻ lên trang cá nhân	50	76	124	50	2.42	0.95	2
Chia sẻ “live stream” vào các hội nhóm và trang cá nhân	100	125	50	25	3	0.91	3
Nội dung khác	0	0	0	0	0	0	10
Tổng					2.86	1.29	

Bảng 10. Những nội dung được đăng tải trên mạng xã hội

Nội dung chia sẻ	Mức độ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ			
Đăng tải những hình ảnh diễn ra trong cuộc sống của mình lên MXH	200	70	20	10	3.53	0.76	12
Đăng tải những món ăn ngon tự nấu, chuyên du lịch của bản thân	125	60	75	40	2.9	1.09	2
Tự chụp ảnh “tự sướng” sau đó chỉnh sửa và đăng tải	100	75	75	50	2.75	1.09	3
Viết status đăng tải trạng thái cảm xúc của mình	220	55	23	2	3.64	0.65	13
Quay nhật ký bằng video đăng tải lên để chia sẻ với bạn bè	50	76	130	44	2.44	0.93	10
Đăng tải những bài viết, video liên quan đến việc học tập	100	88	90	22	2.89	0.96	9

Đăng lên trang cá nhân và các nhóm (group) đề kinh doanh, bán hàng online	150	90	30	30	3.2	0.98	7
Đăng tải cách học tiếng anh	70	80	74	76	2.48	1.11	1
Đăng một bài nhạc, một bộ phim trên trang cá nhân	90	76	90	44	2.71	1.05	5
Đăng tải những bức ảnh “sexy” nhằm câu like	77	69	96	58	2.55	1.07	4
Đăng tải những nội dung làm ảnh hưởng đời sống mọi người	23	76	150	51	2.24	0.82	11
Đăng bài nhằm kêu gọi ủng hộ những người có hoàn cảnh khó khăn	78	90	100	32	2.71	0.97	8
Đăng những tấm gương tốt, việc tốt	90	78	100	32	2.75	1	6
Tổng					2.83	1.05	

Bảng 11. Nội dung trang thường được “like”

Nội dung chia sẻ	Mức độ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Chưa bao giờ			
“Like” ảnh	180	60,0	75	25,0	35	11,7	10
“Like” “Status”	121	40,3	79	26,3	55	18,3	45
“Like” các “Fan page” yêu thích	76	25,3	89	29,7	90	30,0	45
“Like” các “comment” của người khác	69	23,0	81	27,0	60	20,0	90
“Like” video	70	23,3	51	17,0	89	29,7	90
“Like” ảnh	180	60,0	75	25,0	35	11,7	10

Bảng 12. Mục đích sử dụng nút “like”

Động cơ thực hiện	Mức độ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý			
Để lưu lại trang yêu thích	50	170	50	30	2.80	0.83	4
Thể hiện quan điểm, thái độ	70	121	60	50	2.71	1.00	2
Kinh doanh	75	125	60	40	2.78	0.97	3
Trương tác với bạn bè	175	35	50	40	3.15	1.12	1
Khác	0	0	0	0	0.00	0.00	5
Tổng					2.29	1.45	

Bảng 13. Nhận thức về khái niệm của mạng xã hội

Nội dung	Mức độ nhận thức				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Rất đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý			
MXH là một loại hình giải trí hấp dẫn giúp con người giải tỏa căng thẳng	130	138	25	7	3,30	0,72	8
MXH là dịch vụ nối kết các thành viên cùng sở thích trên Internet lại với nhau với nhiều mục đích khác nhau không phân biệt không gian và thời gian	160	100	35	5	3,38	0,75	6
MXH là nơi kết nối bạn với những người cùng sở thích	60	90	75	75	2,45	1,07	2
MXH là công cụ tuyệt vời để nâng cao, bổ sung kiến thức, kỹ năng	60	100	120	20	2,67	0,87	5
MXH là một phần tất yếu của cuộc sống hàng ngày	30	90	120	60	2,30	0,90	4
MXH là kênh quảng cáo, marketing của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân	89	171	29	11	3,13	0,72	7

MXH là một xã hội ảo online, mang nhiều đặc tính tương tự như xã hội thực,	70	80	90	60	2,53	1,06	3
MXH giúp mọi người giao lưu và chia sẻ thông tin một cách có hiệu quả	90	120	30	60	2,80	1,08	1
Tổng					2,82	0,98	

Bảng 14. Nhận thức về vai trò của mạng xã hội

Nội dung	Mức độ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Rất Đồng ý	Đồng ý	Phân vân	Không đồng ý			
Là công cụ để tôi nâng cao, bổ sung kiến thức, kỹ năng	130	138	25	7	2,26	1,08	2
Kết nối với những người cùng sở thích thông qua MXH	160	100	35	5	2,16	0,90	4
MXH giúp ích rất nhiều cho hoạt động kinh doanh quảng cáo	60	90	75	75	2,92	0,86	5
Giúp con người gần gũi với nhau hơn	60	100	120	20	2,10	1,11	1
Giúp cho việc học trở nên thuận tiện hơn	30	90	120	60	2,77	0,76	7
Nhờ có MXH công việc tình nguyện, công tác xã hội hoạt động có hiệu quả hơn nhiều	89	171	29	11	2,77	1,02	3
Giúp giữ liên lạc, cập nhật thông tin với bạn bè, người thân	70	80	90	60	3,13	0,82	6
Tổng					2,59	1,02	

Bảng 15. Thái độ khi sử dụng mạng xã hội

Nội dung	Thái độ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Rất buồn	Buồn	Bình thường	Không buồn			
Khi tôi chia sẻ các nội dung lên MXH và không nhận được nhiều “like” hay “comment” của bạn bè	130	138	25	7	2,68	0,92	2
Khi đăng các bài xã luận lên MXH và không nhận được “like” hay “comment” của bạn bè	160	100	35	5	2,03	0,84	5
Đăng các hình ảnh của bản thân lên MXH mà không nhận được “Like” hay “comment” của bạn bè	60	90	75	75	3,16	0,96	1
Một ngày không vào MXH bạn cảm thấy thế nào?	60	100	120	20	3,20	0,87	4
Khi vào MXH bạn không “like” hay “comment”	30	90	120	60	3,00	0,89	3
Tổng					2,82	1,00	

Bảng 16. Động cơ thúc đẩy hành vi sử dụng mạng xã hội của sinh viên

Nội dung	Động cơ				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Rất mạnh mẽ	Mạnh mẽ	Bình thường	Không mạnh mẽ			
Để khẳng định bản thân	130	138	25	7	3,03	0,84	7
Để câu “like”, “comment”	160	100	35	5	2,79	0,87	5
Để giải trí	60	90	75	75	3,52	0,67	8
Tìm kiếm việc làm	60	100	120	20	2,17	1,07	1
Mua, bán hàng	30	90	120	60	2,95	0,85	6
Giao lưu, kết bạn	89	171	29	11	2,52	0,96	3

Quảng cáo	70	80	90	60	2,17	0,93	4
Giảm tress	90	120	30	60	2,42	1,04	2
Tổng					2,70	1,01	

Bảng 17. Những yếu tố có mức độ ảnh hưởng đến hành vi sử dụng mạng xã hội

Yếu tố	Mức độ ảnh hưởng				ĐTB	ĐLC	Xếp hạng
	Rất quan trọng	Tương đối quan trọng	Bình thường	Không quan trọng			
Nhận thức của sinh viên về MXH	130	138	25	7	2,85	0,95	6
Thái độ của sinh viên khi sử dụng MXH	160	100	35	5	2,75	0,92	7
Động cơ sử dụng MXH của sinh viên	60	90	75	75	2,60	0,95	5
Đặc điểm tâm lý lứa tuổi sinh viên	60	100	120	20	2,84	1,04	2
Môi trường sống	30	90	120	60	2,82	1,08	1
Điều kiện sinh hoạt	89	171	29	11	2,95	0,97	4
Phương tiện kỹ thuật	70	80	90	60	2,27	1,00	3
Tổng					2,73	1,01	